



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: \_\_\_\_\_

IV#: \_\_\_\_\_

VEWL.#: \_\_\_\_\_

I-171#: \_\_\_\_\_ Y NO

EXIT VISA#: \_\_\_\_\_

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyễn Huân Tân  
Last Middle First

Current Address: Tổ 14 Cùm 5 Phường Lạc Đạo Phan Thiết Thuận Hải

Date of Birth: 02/02/482 Place of Birth: VN

Previous Occupation (before 1975) Sergeant  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 3/11/78 To 01/02/88  
Years: 10 Months: \_\_\_\_\_ Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
Name ARLINGTON, VA 22205-0635

Address and Telephone Number \_\_\_\_\_

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---------------------------------------------|---------------------|
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: \_\_\_\_\_

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : \_\_\_\_\_  
 (Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

---



---

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ  
Trại **Xuân phước**  
Số **28** CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Học tập -- Tự do -- Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2503 ngày 27 tháng 11 năm 1972

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 0 | 3 | 7 | 7 | 9 | 0 | 6 | 8 | 5 | 1 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

SIISLD.

## GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;  
Thi hành án văn, quyết định tha số **05B/ĐX** ngày **30** tháng **10** năm **1987**  
của **Hội đồng đặc xá trung ương**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Nguyễn Hữu Tân** Sinh năm 19 **42**

Các tên gọi khác

**Thuận hải**

Nơi sinh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

**P Lạc đạo, Phan thiết, thuận hải**

Can tội **Ám mưu lật đổ chính quyền**

Bị bắt ngày **11/03/1978** Án phạt **15 năm**

Theo ~~quy định~~ án văn số **16** ngày **14** tháng **5** năm **1979** của  
**Viện kiểm sát nhân dân tỉnh thuận hải**

Đã bị tăng án **12** lần, cộng thành **5** năm **06** tháng

Đã được giảm án **06** lần, cộng thành **05** năm **06** tháng

Nay về cư trú tại **Tiểu khu 20, P Lạc đạo, Thuận hải**

Nhận xét quá trình cải tạo

- Tư tưởng : Đã xác định rõ tội lỗi chịu sự cải tạo  
Lao động đảm bảo ngày công hoàn thành mức khoán được giao. Học  
tập tham gia đầy đủ tiếp thu được. Nội quy chấp hành nghiêm  
sai phạm. Đã được giảm án 06 lần cộng thành 05 năm 06 tháng  
(vì theo QĐ số 05B/ĐX của HĐXTW). Xếp loại cải tạo : **Khá**

- Đề nghị chính quyền địa phương tiếp tục theo dõi  
giúp đỡ đương sự về làm ăn sinh sống để trở thành người công  
dân lương thiện ./.

Hương sự phải trình diện tại UBND Phường **Phường, Lạc đạo**

Trước ngày **5** tháng **01** năm **1988**

Lưu tay ngắn trợ phí

Của **Nguyễn Hữu Tân**

Danh từ số **222PT**

Lập tại **Phan thiết**

Họ tên, chữ ký  
người được cấp giấy

Ngày **2** tháng **1** năm **1988**

Giám thị

**Nguyễn Hữu Tân**

**NGUYỄN VĂN BĂNG**

Phan Thiết, ngày 8/11/1992

Kính Tham Bà.

Dân thư gia đình gửi đến Bà lời Chúc Sức Khỏe.  
Thưa Bà. gia đình luôn nghĩ đến Bà và biết ơn Bà, kể từ  
khi gia đình nhận được thư Bà phúc đáp. gia đình luôn  
lo lắng công việc về phía bên này, cho mãi đến nay cũng  
chưa được gì.

Thưa Bà. gia đình luôn coi Bà là người ân trọng  
gia đình, từ đó gia đình luôn hướng về Bà. Mọi công việc  
gì cũng nhờ Bà giúp đỡ cho gia đình.

Thưa Bà. Khi gia đình nhận được thư Bà gia đình  
có gửi cho Bà một hồ sơ theo thư Bà chỉ dẫn, không  
biết Bà có nhận được chưa, gia đình gửi vào khoản 1989  
tức là sau khi nhận được thư Bà.

Nay gia đình nghe tin có Chương Trình RD. một  
lần nữa Trăm Chuyền cũng nhờ Bà giúp đỡ cho gia đình  
được lên danh sách đi theo Chương Trình RD.

Thưa Bà thật lòng mà nói gia đình có cảm  
tưởng Bà cũng như người thân. Quyên của gia đình  
nên không ngần ngại gì để nhờ Bà giúp đỡ cho.

Thật ra gia đình mới được nghe có chương trình  
RD nên vội viết thư nhờ Bà giúp đỡ, gia đình luôn  
lòng in Bà thật nhiều. nay gia đình kèm theo thư  
Bà gửi cho gia đình và giấy ra Trại, một đơn.  
gia đình không biết nói gì hơn, và nói sai cho  
hết tâm thành thật Bà đừng cho gia đình.

Cuối thư một lần nữa gia đình gửi đến  
Bà cũng như lời Chúc Sức Khỏe. gia đình  
mong được thư Bà.

Kính Bà.

Thư

Nguyệt - Xuân - Tân

# Former Political Prisoners of Communist Vietnam Association

## HỘI CỤ TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ CÔNG SẢN VIỆT NAM

HỘI BẤT VỤ LỢI. GP#1380287 ngày 15/7/1986 California

### POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

(Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camp in Vietnam so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các "Trại Cải Tạo" ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

#### A.- GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

(Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name: (Family name, middle, first) NGUYỄN-HỮU-TÂN  
(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)
2. Sex: Nam Date of Birth 02/02/42 Place of birth Bình Thuận  
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank, Agency/Unit Trưởng Ban Tâm Lý Chiến, I/S.T. Betti/CSQG/Bình Thuận  
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

#### B.- ARREST:

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: 15-05-78 Đồn Công An Thị xã Phan Thiết  
(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: Trại Phan Thiết, Trại An Lạc Nhân Phú  
(Tên, địa điểm các trại giam)
3. Date of release or still in camps: Nhảy ra Trại 02-01-1988  
(Ngày được thả hay còn bị giam)

#### C.- FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: 1 Vợ 05 Con  
(Có gia đình hay độc thân)
2. If married, please complete names of Spouse & Children: TRƯƠNG THỊ-NƠ  
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/cồng và các con)  
1/ Nguyễn-thị-Yên-Trang 3/ Nguyễn-Hữu-Thân 4/ Nguyễn-thị-Hoà 5/ Nguyễn-thị-Hào
3. Address of family: Tổ 14 Cụm 5 Phường Lạc Đạo Phan Thiết, Bình Thuận  
(Địa chỉ gia đình)

#### D.- APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: NGUYỄN-HỮU-TÂN Occupation: Lưu Bị  
(Họ và tên) (Nghề-nghiep)
2. Address and phone number: \_\_\_\_\_  
(Địa chỉ và điện thoại)
3. Relationship with detainee \_\_\_\_\_  
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)
4. Status in USA: Permanent resident ☐ US citizen ☐  
(Tình trạng cư trú)
5. Are you willing to sponsor the above detainee (If released)  
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?) Yes ☐ No ☐

Date: \_\_\_\_\_  
(Ngày, tháng, năm)

P. O. BOX 635  
WESTMINSTER, CALIF.  
92684-0635

Signature of applicant  
(Chữ ký của người đứng đơn)

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

---\*---

Ngày 19 Tháng 9 Năm 1989

Kính gửi :

Bà Trương Thị Ngọc

Thưa Ông/Bà,

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Ông/Bà  
đến ngày

Điều làm cho chúng tôi vui mừng hơn là được biết Ông/Bà  
vẫn mạnh và kiên tâm chờ ngày đoàn tụ.

Mặc dù đường xa xa xôi, cách trở ngàn trùng, Ông/Bà vẫn  
nhớ đến chúng tôi. Để đáp lại thỉnh tình đó, chúng tôi luôn  
luôn lo xúc tiến công việc, hy vọng mọi diễn tiến diễn hòa để  
sớm đem lại kết quả mong muốn.

Tuy nhiên, chúng tôi thiên nghĩ chỉ lo đôn phụng được  
những vấn đề về phía chúng tôi, còn phần bên phía Ông/Bà, chúng tôi  
tuyệt đối lo về phần liên hệ của mình thì mới mong có kết  
quả đẹp.

Vấn nữa, chúng tôi cũng muốn lưu ý Ông/Bà, vấn đề kinh  
tế không phải là một tiêu chuẩn, vì vậy ta nên tránh đề cập  
đến. Mong Ông/Bà hiểu cho điều này.

Câu chúc Ông/Bà may mắn và xin giữ vững niềm tin.

Kính thư,

Khúc Minh Thơ

\*\* HỒ SƠ TÊN:

( ) ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KẸM: (hoàn về Hội, mỗi mẫu 2 bản)

\*\* TÀI LIỆU CẦN BỔ TÚC:

- ( ) Hồ sơ bảo trợ ( ) IV# , ( ) LOI , ( ) Exit visa , ( ) I-171 , ( ) GIẤY RA TRẠI  
(x) Giấy hộ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly dị, khai tử v.v...  
(x) Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...  
( ) Giấy báo tử (nếu chết trong trại học tập)  
(x) Tài liệu liên hệ đến tư nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu tu nghiệp ở Hoa  
huy chương v.v...

\*\* CÁC THƯ KHÁC:

FROM: Nguyen<sup>16</sup> Huu - Tam

57B Ngon Ong

Phan Thiet, Binh Thuan

DOB 2/2/42

Sau 75



23.500

11-20



NOV 30 1992

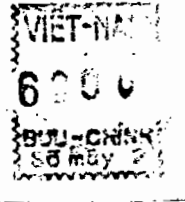
TO: Bà: KHUOC MINH THO  
P.O. BOX, ARLINGTON VA  
22205-0635  
TELEPHONE:  
U-S-A

**PAR AVION VIA AIR MAIL**

Xous  
FROM: Truong thi Go<sup>2</sup> - 145  
57 B. Tagu Eng Phan Thiet  
Cholon Hai.

PAR AVION

AR 49  
MAN



R

NAME  
1st Notice 9-11 TO: Mrs. Khuc Minh Cho  
2nd Notice Chairperson - Vietnamese Families  
3rd Notice of Political Prisoners Association

26 gr. 24500 PAR AVION VIA AIR MAIL Virginia 22043 USA

# Former Political Prisoners of Communist Vietnam Association

## HỘI CỤU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ CÔNG SẢN VIỆT NAM

HỘI BẤT VỤ LỢI. GP#1380287 ngày 15/7/1986 California

### POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

(Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camp in Vietnam so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các "Trại Cải Tạo" ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

#### A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

(Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name: (Family name, middle, first) Nguyễn Hữu Tân

(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)

2. Sex: nam Date of Birth 02/02/1948 Place of birth Hải Hải, Hải Phòng, Bắc Việt Nam

(Phái) (Ngày sinh)

(Nơi sinh)

3. Last position/Rank, Agency/Unit Trưởng Ban Tâm lý Chiến, Trung Sĩ Sĩ Quan CSQG, Trung Phòng

(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

#### B. ARREST:

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: 11/3/78 Trại Công An Đường Lạc Đạo, Phan Thiết

(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)

2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: Trại A 2, Xuân Phước, Phan Thiết

(Tên, địa điểm các trại giam)

3. Date of release or still in camps: Đã thả ở 01/1988

(Ngày được thả hay còn bị giam)

#### C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: 1 vợ 5 con

(Có gia đình hay độc thân)

2. If married, please complete names of Spouse & Children: Trưởng Thi Nữ

(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)

Con 1: Nguyễn Thị Thu (2) Con 2: Nguyễn Thị Liên Trang Con 3: Nguyễn Hữu Tuấn  
Con 4: Nguyễn Thị Hải Con 5: Nguyễn Thị Ngọc Thảo

3. Address of family: Tổ 14, Cùm 5, Đường Lạc Đạo, Phan Thiết, Thuận Hải

(Địa chỉ gia đình)

#### D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: ..... Occupation: .....

(Họ và tên)

(Nghề nghiệp)

2. Address and phone number: .....

(Địa chỉ và điện thoại)

3. Relationship with detainee .....

(Liên hệ với tù nhân cải tạo)

4. Status in USA: Permanent resident ☐ US citizen ☐

(Tình trạng cư trú)

5. Are you willing to sponsor the above detainee (If released)

(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?)

Yes ☐ No ☐

Date: .....  
(Ngày, tháng, năm)

P. O. BOX 635  
WESTMINSTER, CALIF.  
92684-0635

Signature of applicant  
(Chữ ký của người đứng đơn)

BỘ NỘI VỤ  
Trại **Xuân phước**  
Số 28 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-Q1.T  
hành theo công  
2565 ngày 27 thá  
năm 1972

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 0 | 3 | 7 | 7 | 9 | 0 | 6 | 8 | 5 | 1 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

SHSLD

## GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 965-BCA- TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số **05B/ĐX** ngày **30** tháng **10** năm **1987**

của **Hội đồng đặc xá trung ương**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

**Nguyễn Hữu Tân**

Sinh năm 19 **42**

Các tên gọi khác

Nơi sinh

**Thuận hải**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

**P Lạc đạo, Phan thiết, thuận hải**

Can tội

**Ám mưu lật đổ chính quyền**

Bị bắt ngày

**11/03/1978**

Án phạt

**15 năm**

Theo ~~quyết định~~ án văn số **15** ngày **14** tháng **5** năm **1979** của

**Viện kiểm sát nhân dân tỉnh thuận hải**

Đã bị rằng án

**lần, cộng thành**

năm

tháng

Đã được giảm án

**06**

**lần, cộng thành**

**05**

năm

**06**

tháng

Nay về cư trú tại **Tiểu khu 20, P Lạc đạo, Thuận hải**

Nhận xét quá trình cải tạo

- **Tư tưởng** : đã xác định rõ tội lỗi chịu sự cải tạo

**Lao động** đảm bảo ngày công hoàn thành mức khoán được giao. Học tập tham gia đầy đủ tiếp thu được. Nội quy chấp hành nghiêm ít sai phạm. Đã được giảm án 06 lần cộng thành 05 năm 06 tháng (vì theo QĐ số 05B/ĐX của HĐQTW). Xếp loại cải tạo : **Khá**

- **Đề nghị** chính quyền địa phương tiếp tục theo dõi giúp đỡ đường sự về làm ăn sinh sống để trở thành người công dân lương thiện ./.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: **Phường, lạc đạo**

Trước ngày **5** tháng **01** năm **1988**

Lưu tay ngắn từ phải

Của **Nguyễn Hữu Tân**

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Ngày **2** tháng **1** năm **1988**

Giám thị

Định lệ số **222PT**

Lập tại **Phan thiết**

**Nguyễn Hữu Tân**



LET

CÂU HỎI CHO NGƯỜI HỘ ĐƠN

ODP IV 0

Date/Ngày: \_\_\_\_\_

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:

Gửi số câu hỏi này tới:  
Tổ Công Tác Việt-Nam  
6 Chu Văn An  
Hà Nội

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn-bản

- Name/Họ, tên: NGUYỄN HUU TÂN Sex/Phái: Nam
- Other Names/Họ, tên khác: \_\_\_\_\_
- Date/Place of Birth/Ngày/Nơi Sinh: 02-02-1942 An Hải, Hải Long Bình Thuận
- Residence Address  
Địa-chỉ thường-trú: Đ. 14 cum 5 Trường Lạc Đạo, Th. và Ph. Thuận Hải  
Mailing-Address: Th. Thuận Hải  
Địa-chỉ tho-tử: Số 57B Ng. Ông Phan Thiết
- Current Occupation/Nghề-nghiệp hiện tại: Đánh Cá Bình

B. Relatives to accompany me/Bà con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia-dinh như sau: Đã lập gia-dinh (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

| Name<br>Họ, Tên         | Date of Birth<br>Ngày/Tháng/<br>Năm sinh | Place of Birth<br>Nơi sinh | Sex<br>Phái | MS<br>Tình trạng<br>gia-dinh | Relation<br>Liên-hệ<br>gia-dinh |
|-------------------------|------------------------------------------|----------------------------|-------------|------------------------------|---------------------------------|
| 1. Nguyễn Hữu Tân       | 1942                                     | Thuận Hải                  | Nam         |                              |                                 |
| 2. Hoàng Thị Nữ         | 1947                                     | nt                         | Nữ          |                              | Vợ                              |
| 3. Nguyễn Thị Yên Thi   | 1961                                     | nt                         | Nữ          | P. chồng                     | Con                             |
| 4. Nguyễn Thị Yến Trang | 1970                                     | nt                         | Nữ          | Độc thân                     | Con                             |
| 5. Nguyễn Hữu Tuấn      | 1972                                     | nt                         | Nam         | Còn nết                      | Con                             |
| 6. Nguyễn Hữu Tân       | 1975                                     | nt                         | Nam         | nt                           | Con                             |
| 7. Nguyễn Thị Yến Thảo  | 1978                                     | nt                         | Nữ          | nt                           | Con                             |
| 8.                      |                                          |                            |             |                              |                                 |
| 9.                      |                                          |                            |             |                              |                                 |
| 10.                     |                                          |                            |             |                              |                                 |

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompany relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh-danh trên, chúng tôi cần một bản, khai-sinh, giá-thê (nếu lập gia-dinh rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con họ cũng đi với bạn không chung-ngộ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

| Address/Địa-chỉ                                                                          |                                | Of myself/của tôi      | Of my spouse/của vợ/chồng |
|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------|---------------------------|
| B. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh-Sách Toàn-Thể Gia-Dình (Sống/Chết)         |                                |                        |                           |
| C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoài Quốc                                        |                                |                        |                           |
| 1. Closest Relative In the U.S.<br>Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ (nếu có)              |                                |                        |                           |
| a. Name/Họ, Tên                                                                          |                                |                        |                           |
| b. Relationship<br>Liên-hệ gia-dình                                                      |                                |                        |                           |
| c. Address/Địa-chỉ                                                                       |                                |                        |                           |
| d. Date of Relatives Arrival in the U.S.<br>Ngày bà con đến Mỹ                           |                                |                        |                           |
| 2. Closest relative in other foreign countries<br>Bà con thân-thuộc nhất ở các nước khác |                                |                        |                           |
| a. Name/Họ, tên                                                                          |                                |                        |                           |
| b. Relationship<br>Liên-hệ gia-dình                                                      |                                |                        |                           |
| c. Address/Địa-chỉ                                                                       |                                |                        |                           |
| D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh-Sách Toàn-Thể Gia-Dình (Sống/Chết)         |                                |                        |                           |
| 1. Father/Cha                                                                            | Nguyễn Văn Thanh (chết)        |                        |                           |
| 2. Mother/Mẹ                                                                             | Đỗ Thị Cui (chết)              |                        |                           |
| 3. Spouse/Vợ/Chồng                                                                       | Trương Thị Nở & Nguyễn Kim Tân |                        |                           |
| 4. Former spouse (if any)/Vợ/Chồng trước (nếu có)                                        |                                |                        |                           |
| 5. Children/Con cái:                                                                     | (1)                            | Nguyễn Thị Yến - Thu   |                           |
|                                                                                          | (2)                            | Nguyễn Thị Yến - Trang |                           |
|                                                                                          | (3)                            | Nguyễn Thị Yến - Tuấn  |                           |
|                                                                                          | (4)                            | Nguyễn Thị Yến - Tân   |                           |
|                                                                                          | (5)                            | Nguyễn Thị Yến - Thảo  |                           |
|                                                                                          | (6)                            |                        |                           |
|                                                                                          | (7)                            |                        |                           |
|                                                                                          | (8)                            |                        |                           |
|                                                                                          | (9)                            |                        |                           |
| 6. Siblings/Anh chị em:                                                                  | (1)                            |                        |                           |
|                                                                                          | (2)                            |                        |                           |
|                                                                                          | (3)                            |                        |                           |
|                                                                                          | (4)                            |                        |                           |
|                                                                                          | (5)                            |                        |                           |
|                                                                                          | (6)                            |                        |                           |
|                                                                                          | (7)                            |                        |                           |
|                                                                                          | (8)                            |                        |                           |
|                                                                                          | (9)                            |                        |                           |

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse  
Bạn hoặc Vợ/Chồng đã công-tầm việc nhà công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng mỹ

1. Employee Name/  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
Position title/Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
Agency/Company/Office  
Sở/Hãng/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
Length of Employment/  
Thời-gian làm-việc From/ Từ: \_\_\_\_\_ To/ Đến: \_\_\_\_\_  
Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ : \_\_\_\_\_  
Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

2. Employee Name/  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
Position title/Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
Agency/Company/Office  
Sở/Hãng/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
Length of Employment/  
Thời-gian làm-việc From/ Từ: \_\_\_\_\_ To/ Đến: \_\_\_\_\_  
Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ : \_\_\_\_\_  
Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

3. Employee Name/  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
Position title/Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
Agency/Company/Office  
Sở/Hãng/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
Length of Employment/  
Thời-gian làm-việc From/ Từ: \_\_\_\_\_ To/ Đến: \_\_\_\_\_  
Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ : \_\_\_\_\_  
Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

F. Service with CVN or RVNAF By You Or Your Spouse/  
Bạn hoặc Vợ/Chồng đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving/  
Họ tên người tham-gia : Nguyễn Hữu Tân  
2. Dates/Ngày, tháng, năm : From/ Từ: 15-9-1966 To/ Đến: 20-12-1975  
3. Last Rank  
Cấp-bậc cuối-cùng : Trung Sĩ I Serial Number/  
Số thẻ nhân-viên : 136970  
4. Ministry/Office/Military Unit  
Bộ/sở/Đơn-Vị/Binh-Chúng : Caul Sat Quốc gia  
5. Name of Supervisor/C.O.  
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy: Hồ Đức Nghi

6. Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc: \_\_\_\_\_

7. Names of American Advisor(s)/Họ tên cố-vấn Mỹ: \_\_\_\_\_

8. U.S. Training Courses in Vietnam/Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ tại Viet-Nam: \_\_\_\_\_

9. U.S. Awards or Certificates  
Name of award/Phần-thưởng hoặc giấy khen: \_\_\_\_\_ Date received/ Ngày nhận: \_\_\_\_\_

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes \_\_\_\_\_ No \_\_\_\_\_) / (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đừng sợ có không? Có \_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_)

C. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/  
Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee/  
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: \_\_\_\_\_

2. School and School Address/  
Trường và địa-chỉ nhà trường: \_\_\_\_\_

3. Dates/Ngày, tháng, năm: From/Từ: \_\_\_\_\_ To/Tới: \_\_\_\_\_

4. Description of Courses/  
Mô-tả ngành học: \_\_\_\_\_

5. Who paid for training?/  
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : \_\_\_\_\_

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes \_\_\_\_\_ No \_\_\_\_\_) / (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có \_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_)

H. Re-education of you or your spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation/  
Họ tên người đi học-tập cải-tạo: Nguyễn Hải Tấn

2. Time in Reeducation/Thời gian học-tập: From/Từ: 11-2-1978 To/Tới: 2-1-1988

3. Still in Reeducation?/Vẫn còn học-tập cải-tạo? Yes/Có \_\_\_\_\_ No/Không \_\_\_\_\_

\*(If released, we must have a copy of your release certificate./  
\*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc?

Không phụ lục chi đề, xin được thả ngay  
chúng tôi tại (Hoa-Kỳ)

Signature/Ký tên: (area) Date/Ngày: 03/11/1989

J. Please list here all documents attached to this questionnaire/  
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số cần hỏi này

- |                   |     |                 |     |
|-------------------|-----|-----------------|-----|
| 1. Giấy ra trại   | 1 - | 2. Giấy ra trại | 1 - |
| 2. Sơ đồ địa điểm | 1 - | 3. Giấy ra trại | 1 - |
| 3. Giấy ra trại   | 1 - | 4. Giấy ra trại | 1 - |
| 4. Giấy ra trại   | 1 - | 5. Giấy ra trại | 1 - |
| 5. Giấy ra trại   | 1 - | 6. Giấy ra trại | 1 - |
| 6. Giấy ra trại   | 1 - | 7. Giấy ra trại | 1 - |
| 7. Giấy ra trại   | 1 - | 8. Giấy ra trại | 1 - |

DDP-2 (0087f: 2/07)

THỜI gian học-tập: From/Từ: \_\_\_\_\_

Still in Reeducation?/Vẫn còn học-tập cải-tạo? \_\_\_\_\_

\*(If released, we must have a copy of your release certificate./  
\*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

BỘ NỘI VỤ  
Trại **Xuân phước**  
Số **28** CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 0 | 3 | 7 | 7 | 9 | 0 | 6 | 8 | 5 | 1 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

SHSLD.

## GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số **05B/ĐK** ngày **30** tháng **10** năm **1987**

của **Hội đồng đặc xá trung ương**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Nguyễn Hữu Tân**

Sinh năm 19 **42**

Các tên gọi khác

**Thuận hải**

Nơi sinh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: **P Lạc đạo, Phan thiết, thuận hải**

Can tội **Âm mưu lật đổ chính quyền**

Bị bắt ngày **11/03/1978** Án phạt **15 năm**

Theo ~~quyết định~~ án văn số **15** ngày **14** tháng **5** năm **1979** của **Viện kiểm sát nhân dân tỉnh thuận hải**

Đã bị rảnh án **lần, cộng thành** năm tháng

Đã được giảm án **06** lần, cộng thành **05** năm **06** tháng

Nay về cư trú tại **Tiểu khu 20, P Lạc đạo, Thuận hải**

Nhận xét quá trình cải tạo

- **Tư tưởng** : Đã xác định rõ tội lỗi chịu sự cải tạo Lao động đảm bảo ngày công hoàn thành mức khoán được giao. Học tập tham gia đầy đủ tiếp thu được. Nội quy chấp hành nghiêm ít sai phạm. Đã được giảm án 06 lần cộng thành 05 năm 06 tháng (vì theo QĐ số 05B/ĐK của HĐĐXTW). Xếp loại cải tạo : **Khá**

- **Đề nghị chính quyền địa phương tiếp tục theo dõi giúp đỡ đường sự về làm ăn sinh sống để trở thành người công dân lương thiện ./.**

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: **Phường, lạc đạo**

Trước ngày **5** tháng **01** năm **1988**

Lân tay, ngón trỏ phải  
Của **Nguyễn Hữu Tân**

Danh bìn số **222PT**  
Lập tại **Phan thiết**

Viết lên, chữ ký  
người được cấp giấy

Ngày **2** tháng **1** năm **1988**

Giám thị

**Nguyễn Hữu Tân**



Ngày **8** tháng **8** năm **1989**  
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
LÊ THỊ TRẦN AN

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

---\*---

Ngày 19 Tháng 9 Năm 1989

Kính gửi :

Thưa Ông/Bà,

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Ông/Bà để này

Điều làm cho chúng tôi vui mừng hơn là được biết Ông/Bà vẫn mạnh và kiên tâm chờ ngày đoàn tụ.

Mặc dù đường xa xa xôi, cách trở ngàn trùng, Ông/Bà vẫn nhớ đến chúng tôi. Để đáp lại thỉnh tình đó, chúng tôi luôn luôn lo xúc tiến công việc, hy vọng mọi diễn tiến diễn hóa để sớm đem lại kết quả mong muốn.

Tuy nhiên, chúng tôi thiên nghĩ chỉ lo dồn phụng dưỡng những vấn đề về phía chúng tôi, còn phần bên phía Ông/Bà thì tích cực tu lo về phần liên hệ của mình thì mới mong có kết quả tốt đẹp.

Hơn nữa, chúng tôi cũng muốn lưu ý Ông/Bà, vấn đề kinh tế không phải là một tiêu chuẩn, vì vậy ta nên tranh cử cấp tới. Mong Ông/Bà hiểu cho điều này.

Câu chúc Ông/Bà may mắn và xin giữ vững niềm tin.

Kính chủ,

Khúc Minh Thở

\*\* HỒ SƠ TÊN:

( ) ĐIỀN VÀO CÁC MŨI ĐINH KẼM: (hoàn về Hội mỗi mẫu 2 bản)

\*\* TÀI LIỆU CẦN BỔ TỤC:

- ( ) Hộ sổ bảo trợ ( ) IV# , ( ) L01 , ( ) Exit visa , ( ) I-171 , ( ) GIẤY RA TRAI  
(x) Giấy hộ tịch (khai sinh, hôn thú, giấy ly dị, khai tử v.v...  
(x) Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...  
( ) Giấy bảo tử (nếu chốt trong trại học tập)  
(x) Tài liệu liên hệ đến tư nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu du nghiệp ở Hoa  
huy chương v.v...)

\*\* CÁC THƯ KHÁC:



*Embassy of the United States of America*

Bangkok, Thailand

4:01 PM 90

Reference: IV 266159 (7)

Dear Sir/Madam:

*Nguyen Huu Tan*

We have received your application and have opened a file for you. Your file (IV) number is listed above. Please mark this number on all documents and correspondence you send to us.

The following is a list of documents which are needed to complete our file. Before your case can be considered further, we must have these documents.

Family Documents

- A copy of your birth certificate and the birth certificates of each member of your family.
- A copy of your marriage certificate (if there was a previous marriage we will also need, as appropriate, a death certificate or divorce decree to show the marriage was legally terminated).
- A copy of each person's Vietnamese ID card.
- A photo of each person.

Employment Documents

- Photocopies of papers that show you worked for the U.S. Government or a U.S. organization. Papers that show you worked closely with U.S. officials or U.S. programs while working for the Vietnamese Government or serving in the Vietnamese Military before April 30, 1975. Papers that show you went to school or had training in the U.S. or in another country under U.S. sponsorship.

These papers could be personnel actions, payroll slips, certificates, diplomas, ID cards, travel orders, and the like. Also send the names of American supervisors or advisors, as well as copies of any letters you may have received from them.

- If you or a member of your family had been in re-education, send a copy of the release certificate.
- If you have a close relative in the United States or in another country send us the name and address of that relative, and tell us how the person is related to you.

NOTE: Your legal spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you to the United States.

You should collect these documents and send them to us. If you have already submitted some of these documents, you may wish to forward copies of them again to ensure that the copies will be included in our file.

In addition to submitting the required documentation, you should apply for Exit Permits. We must stress the fact that even when our file is complete, it is still the decision of the Vietnamese authorities whether or not you will be permitted to depart. This office has no influence over decisions by the Vietnamese authorities regarding the issuance of Exit Permits. Therefore, all efforts to obtain Exit Permits must be made by you.

Please inform us of any change of address or telephone number, for either you or your relatives in the U.S., and always write the IV number (five or six digits) on your letter.

This letter is not being sent to you because we have already reviewed our file for you, but rather to inform you that we have established a case file and to tell you the IV file number. After you have submitted all the required documentation, we will then be able to complete our file. If any other information or documents are needed, we will contact you when we review the file. Please do not write to us unless it is to report a change of address, or to tell us you have obtained Exit Permits; in that case, send us the Exit Permit numbers.

Sincerely,



Orderly Departure Program  
121 Sathorn Tai Road  
Bangkok 10120  
Thailand

TRUNG TÂM DỊCH VỤ XNC  
CHI NHÁNH 2

Số \_\_\_\_\_/DV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 8 tháng 5 năm 1994

## PHIẾU TRẢ LỜI THƯ

Kính gửi: Nguyễn Hữu Tấn

Địa chỉ: 57B Ngõ Ông Phan Thiết  
Thị trấn Hải

Chi nhánh dịch vụ XNC Đà Nẵng đã nhận được thư của ông, bà đề ngày 3 - 5 - 1994 về việc ký hợp đồng dịch vụ XNC.

Chúng tôi xin trả lời như sau:

Chi nhánh dịch vụ XNC Đà Nẵng chỉ được phép ký hợp đồng dịch vụ với những người có đủ các điều kiện sau:

1 - Xuất cảnh theo diện sỹ quan chế độ cũ: sau 30/4/1975 được đi học tập cải tạo từ 3 năm trở lên (không tính thời gian quản chế và tái cải tạo vì những vi phạm khác). Những trường hợp bị chết trong thời gian HTCT (có biên bản phạm nhân chết); thân nhân xin xuất cảnh gồm vợ/chưa tái giá) và các con chưa có gia đình riêng.

2 - Xuất cảnh theo diện ODP: đã được chính phủ Mỹ cấp giấy hứa cho nhập cảnh (LOI). Trường hợp đoàn tụ vợ chồng nếu chưa có LOI ít nhất phải có giấy bảo lãnh.

Căn cứ những điều kiện trên, chúng tôi chưa giúp ông, bà đạt được nguyện vọng. Nếu hồ sơ của gia đình đã chuyển đến Bộ Nội vụ, sẽ được giải quyết bình thường theo thể thức hành chính. Mong ông, bà thông cảm.

Kính chúc ông, bà cùng gia đình sức khỏe ./.

*ghi chú:*  
- Trong hồ sơ của ông đi theo đơn HD không được - đi theo đơn này phải có I 171, 797 hoặc LOI - thì chúng tôi mới có thể giúp ông xin xuất cảnh. (nếu ông có những giấy tờ trên.)  
- IV: chưa có giá trị nhập cảnh

TM CHI NHÁNH DỊCH VỤ XNC ĐÀ NẴNG  
TRƯỞNG CHI NHÁNH



*Đỗ Văn...*

Việt Nam, ngày 04-10-31

Kính Thăm: Bà Khúc-Minh-Thơ  
Lâu Quê gia đình không có điều kiện  
viết thư thăm Bà. Mong Bà thông cảm cho.  
Nay có người quen qua gia đình có  
vài lời thăm sức khỏe Bà luôn khỏe  
và bình an.

Thức Bà gia đình luôn biết in sự cố  
gắng của Bà, cũng như thời giúp gia đình  
Được phía Tòa Đại sứ Bangkok, Thái-Land  
có gởi về cho gia đình 1 Cái IV. gia đình  
lắm hồ sơ Nạp Việt-Nam. Bà có bổ-túc  
theo Trung IV. yêu cầu xong, nhưng rồi  
về phía Việt-Nam rồi phải có Cái "Lời"  
Mỗi thời đủ Tiêu Chuẩn. lấy Hồ Chiếu Địch  
Vi Thư gia đình Bà Dân tỉnh giúp đỡ làm  
Thiệp Cho xin Cái "Lời" gia đình luôn biết  
Bà Bà và thời vô cùng.

Vâng kính chào Bà giúp Cho gia  
đình có Địch Cái "Lời" thì gia đình nhận được  
Hồ Chiếu hiện.

Gia đình luôn nhớ Bà và thời  
có gởi Cho, gia đình không biết sao Cho  
Hết, lòng nhớ Bà.

Cứu Thư gia đình gởi đến Bà  
lời Cầu Chúc Tốt Đẹp, giúp đỡ người lữ  
khôn Cầu.

Gia đình ghi nhận ở Bà  
Thấy mặt gia đình

Ng. hân. Tân.

11

Chiếu .....  
.....

Chiếu các Sự-vụ-lệnh số 1413, 1536, 1726, 17:7, 989, 1734, 1745-BNV/TCSQG/HCVN/SVL ngày 31.12, 30.12, 27.12, 14.6, 5.10 và 4.11.1965, tuyển dụng một số Cảnh-Sát-Viên phù-động đồng-hóa cộng nhậ vào giúp việc ngành Cảnh-Sát Quốc-Gia ;

I.- Nay thâu hồi các S.-vụ-lệnh nói trên riêng về phần tuyển dụng cho các nhân-viên có tên sau đây vì không đến nhận việc :

- .....  
- .....

Chiếu,nhu-cầu công-vụ ;

II.- Các ứng viên có tên dưới đây nay được thâu-dụng vào giúp việc ngành Cảnh-Sát Quốc-Gia (Nha Cảnh-Sát Quốc-Gia Miền Nam Trung-Nguyên Trung-Phần Nha-Trang) với tư-cách Cảnh-Sát-Viên Phù-Động Đồng-Hóa Công-Nhật Cl/1 :

- .....  
- .....  
- NGUYỄN-XUÂN-TÂN ( 02.02.1948 )  
- .....

Nếu bất cứ vì lẽ gì mà sự tuyển dụng này không được chấp thuận, các đương-sự sẽ bị ngưng trả lương và thãi-hồi vô điều-kiện không cần báo trước.

Sự-vụ-lệnh này có hiệu-lực kể từ ngày các đương-sự chính-thức nhận việc sau khi được duyệt ký.-

KIỂM-SOÁT ƯỚC CHI

Ngày 10. VIII.1966  
Ký tên : THÁI-PHI-VÂN  
Kiểm-Soát-Viên Ước-Chi.

Sài-gòn, ngày 23 tháng 8 năm 1966  
TUN. TỔNG ỦY-VIÊN AN-NINH QUỐC-GIA.-  
TỔNG GIÁM-ĐỐC CẢNH-SÁT QUỐC-GIA  
Ký tên : Đại-Tá NGUYỄN-NGỌC-LOAN.

PHU BỔN :

Chánh Sự-Vụ Sở Nhân-Viên  
(Ấn ký)

LÊ-SON-THANH

-----  
TRÍCH SAO Y BẢN CHÍNH

Phan-Thiết, ngày 06 tháng 08 năm 1969  
TUN. TRƯỞNG-TY CẢNH-SÁT QUỐC-GIA BÌNH-THUẬN



HÀ-DUY-KIÊN

(/ VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
BỘ NỘI-VỤ  
---000---

NGHỊ-ĐỊNH SỐ 226-ĐNV/ĐTL/CSQC/ND  
Ngày 17 tháng 7 năm 1972 bổ dụng Đ. TRỊNH-LIÊN và 99  
Nhân-viên khác vào ngạch Phó Thám-Sát-Viên Tập-Sự.

TỔNG TRƯỞNG NỘI-VỤ ,

Chiếu Viên pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1.4.1967 ;  
Chiếu Sắc-Lệnh Số 39h-TT/SL ngày 1.9.1969 và các văn-kiện kế tiếp ấn-  
định thành Phần Chánh-Phủ ;

Chiếu Sắc-Lệnh số 8h-SL/NV ngày 13.7.1968 tổ chức Bộ Nội-Vụ ;

Chiếu .....

Chiếu biên-ban phiên họp ngày 27.3.1972 tại Bộ Nội-Vụ cho Nhân-Viên  
Công-nhật thuộc Lực-Lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia nhập ngạch diện thi ;

Theo đề-nghị của TƯ-LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC-GIA,

### NGHỊ - ĐỊNH

Điều 1.- Nay chấp-thuận cho các Cảnh-Sát-Viên Phụ-Động Đồng-Hội  
Công-Nhật có trên 4 năm thâm-niên công-Vụ, được bổ dụng vào ngạch Phó Thám-S  
Sát-Viên tập-sự, kể từ 01.01.1971 về hai phương-diện thâm-niên và lương-bổng  
như-sau :

| Số | HỌ VÀ TÊN       | Ngày sinh | Số trước | Nhiệm - số               |
|----|-----------------|-----------|----------|--------------------------|
| 54 | NGUYỄN-HỮU-TÂN  | 2.2.1940  | 22.251   | BCH/CSQC Tỉnh Bình-Thuận |
| 56 | NGUYỄN-VĂN-CHÂN | 11.1.1948 | 22.253   | BCH/CSQC Tỉnh Bình-Thuận |

Điều 2.- TƯ-LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC-GIA và Tổng Thư-Ký Bộ Nội-Vụ, chiếu  
nhiệm-vụ thi-hành Nghị-Định này .-

NGHI-NHẬN :

Các đương-sự

ĐẠI-VIÊN :  
Giám-Đốc Nha Hành-Chánh  
Ký tên : Đ. TRỊNH-LIÊN

Sài-Gòn, ngày 17 tháng 7 năm 1972

Tổng-Trưởng Bộ Nội-Vụ  
Tổng Thư-Ký  
Ký tên : Đ. TRỊNH-LIÊN

Kiểm-Soát Vóc-Chi  
ngày 12.7.1972

Kiểm-nhận Quy-Hệ-Tổng-Văn-Đạo  
ngày 11.5.1972 số 1683-TT

NGHỊ-SỐ 226-ĐNV/ĐTLCSQC/ND  
ngày 17.7.1972

Chiếu-Hội Nha Tổng-Giám-Đốc Công-Vụ  
ngày 4.7.1972

SAC-V :

Chủ-Sự Phòng Nhân-Sự-Vụ  
Bộ Tư-Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia  
Trần-Văn-Lợi (ấn-ký)

SAC - Y

Chánh-Sự-Vụ Sở Nhân-Viên  
(ấn-ký NGUYỄN-ĐÌNH-GIANG)

AC - Y

Phan-Thiết ngày 24 tháng 7 năm 1972  
TL. CHỦ-SỰ PHÒNG NHÂN-SỰ-VỤ  
CHỦ-SỰ PHÒNG QUẢN-LÝ

BÌNH-TRẠNG NGÀY 8 THÁNG 8 NĂM 1989

W. H. B. BAN NHÂN-DÂN PHƯƠNG Đ.

Đ. H. H. - T. H. H.



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
Phủ Thủ-Tướng  
Bộ Tư-Lệnh  
Cảnh-Sát Quốc-Gia

TƯ-LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC-GIA

Số : 29087/BTL/NV/QĐ

Chiếu : .....

QUYẾT - ĐỊNH

Điều 1.- Những Cảnh-Sát-viên có tên sau đây,  
được đặc-cách thăng cấp Cảnh-Sát-Viên thực-thụ kể từ  
ngày 01.12.1972 :

| Số<br>thứ tự | Họ và tên<br>ngày sanh   | Chỉ số lương củ | Đơn-vị           |
|--------------|--------------------------|-----------------|------------------|
| 260          | NGUYỄN-HỮU-TÂN<br>2.2.48 | CSL : 180       | BCH/CSQG. Khu 2. |

Điều 2.- Tư-Lệnh Phó, Phụ-Tá Tư-Lệnh Trưởng Khối  
Nhân-Viên, chiếu nhiệm-vụ, thi-hành Quyết-Định này.-

Saigon, ngày 02 tháng 02 năm 1973.

TƯ-LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC-GIA

Ký tên : Chuẩn-Tướng NGUYỄN-KHẮC-BÌNH

PHỤ BỐN :

PHỤ-TÁ TƯ-LỆNH TRƯỞNG KHỐI NHÂN-VIÊN

Ấn ký : Đại-Tá NGUYỄN-PHÚ-SANH

T R Í C H Y :

Phan-Thiết, ngày 12 tháng 3 năm 1973  
TL. CHỈ-HUY TRƯỞNG CSQG. TỈNH BÌNH-THUẬN  
CHỦ-SỨ PHÒN G Q UẢN-TRỊ



NGÔ-H CẢNH-GIA

Tỉnh : BÌNH-THUẬN

Quận : HÀM-THUẬN

Xã : PHAN-THIỆT

## TRÍCH - LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

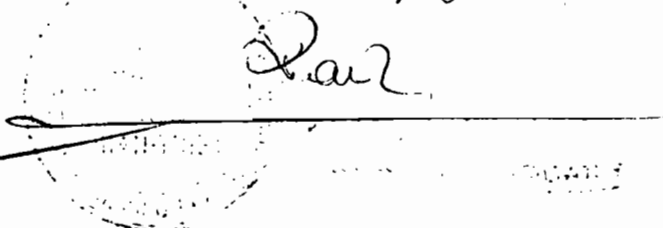
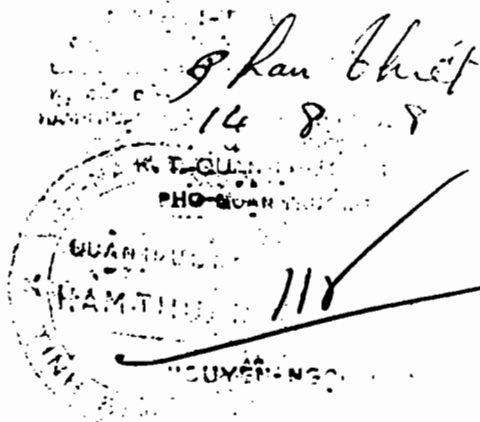
268

Nhà in VUI - VUI - Phan-Thiết

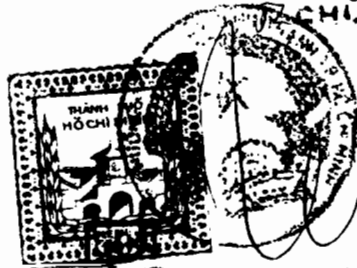
Tên họ người chồng NGUYỄN-HỮU-TÂN  
 Nghề - nghiệp Công-chức  
 Sinh ngày Hai, tháng Hai, năm một ngàn chín trăm  
bốn mươi Tám (2-2-1948)  
 Tại An-Hải, Quận Hải-Long, Tỉnh Bình-Thuận  
 Cư sở tại An-Hải, Quận Hải-Long, Tỉnh-Bình-Thuận  
 Tạm trú tại Ấp Đức-Nghĩa, Xã Châu-Thành Phan-Thiết  
 Tên họ cha chồng Nguyễn-Hữu-Thanh (chết)  
 (Sống chết phải nói)  
 Tên họ mẹ chồng Đỗ-Thị-Cut (sống)  
 (Sống chết phải nói)  
 Tên họ người vợ TRƯƠNG-THỊ-NỮ  
 Nghề - nghiệp Nội-trợ  
 Sinh ngày Tám, tháng Ba, năm một ngàn chín trăm  
bốn mươi bảy (8-3-1947)  
 Tại Ấp Đức-Nghĩa, Xã Châu-Thành Phan-Thiết  
 Cư sở tại Ấp Đức-Nghĩa, Xã Châu-Thành Phan-Thiết  
 Tạm trú tại Ấp Đức-Nghĩa, Xã Châu-Thành Phan-Thiết  
 Tên họ cha vợ Trương-Văn-Thuận (sống)  
 (Sống chết phải nói)  
 Tên họ mẹ vợ Lê-Thị-Nhi (sống)  
 (Sống chết phải nói)  
 Ngày cưới Ngày Mười, tháng Tám năm một ngàn  
chín trăm sáu mươi tám (10-8-1968)  
 Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế //  
 Ngày //  
//  
 Tại //

## TRÍCH Y BÀN CHÁNH

Phan-Thiết ngày 12 tháng 8 năm 1968  
 Viên chức Hô tịch Đuê



Số 51/8  
 BÌNH-THANH Ngày 2 tháng 8 năm 1989  
 ỦY BAN NHÂN-DÂN PHƯỜNG 17  
 CHỦ-TỊCH



LÊ THỊ THANH LOAN

GIẤY THẺ VÌ KHAI-SANH  
 CỦA NGUYỄN-HỮU-TÂN  
 SỐ 469  
 NGÀY 08-2-1966

## TRÍCH - LỤC CHỨNG - THƯ THẺ VÌ HỘ - TỊCH

LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ  
 TÒA SƠ-THẨM BÌNH-THUẬN



Một bản chính giấy thẻ vì KHAI-SANH  
 của NGUYỄN-HỮU-TÂN do Nguyễn-Hữu-Hậu xin cấp  
 đã được Ông Đào-minh-Lượng Chánh Án  
 Tòa Sơ Thẩm Bình-Thuận có Lục-Sự Ôn-năng-Nhuộng  
 phụ tá, lập ngày 08-2-1966 và đã trước bạ

## TRÍCH RA NHƯ SAU :

- 1) Trần-Cầu
- 2) Nguyễn-Sáu
- 3) Nguyễn-Phú

Những người này, sau khi nghe đọc các điều khoản của Bộ Hình-  
 Luật trừng phạt người phạm tội làm chứng gian trong việc dân-sự, đã  
 tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc rằng :

NGUYỄN-HỮU-TÂN, trai, sanh ngày Hai, tháng Hai,  
 Năm Một Ngàn Chín Trăm Bốn-mươi-Tám (02-02-1948) tại xã  
 An-Hải, Quận Hải-Long, tỉnh Bình-Thuận, con ông Nguyễn-Hữu-  
 Thanh (chết) và bà Đỗ-thị-Cụt ./)

Trước bạ tại Phan-Thiết  
 ngày 09-2-1966  
 Quyền 12 Từ 83 Số 86  
 Thầu .....

Trưởng Ty Trước Bạ

Ký tên và đóng dấu

NHA IN VUI-VUI PHAN-THIỆT

Lý do lập giấy Thẻ-Vì Hộ-Tịch : Bố hộ-tịch nơi sanh quán bị  
thất lạc vì biến cố chiến tranh.



## CHỨNG CHỈ THỂ VÌ KHAI-SANH

Năm : 19 65

Số 1816

của

TRƯƠNG-THỊ-NHỎ

Năm 1965 ngày 1 tháng 6 hồi 9 giờ

Trước mặt chúng tôi ĐÀO-Minh-Lượng

Chánh-Án Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền Tỉnh Bình-Thuận ngồi tại văn phòng  
phòng có Ông Ôn-năng-Nhuong

Lục sự giúp việc

CÓ ĐẾN TRÌNH DIỆN :

1/ Nguyễn-hồng-Sinh

2/ Võ-Em

3/ Nguyễn-Nghê

Những nhân chứng trên đã tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc

TRƯƠNG-THỊ-NHỎ, con gái, sinh ngày tám, tháng  
ba, năm một ngàn chín trăm bốn mươi bảy (98-3-1947) tại  
ấp Đức-Nghĩa Phanhiết, Bình-Thuận, là con của ông  
Trương-van-Thuận và bà Lê-thị-Nhị.

và duyên cớ mà y không thể xin sao lục KHAI-SANH được là vì biến cố  
chiến tranh, bản chính đã bị thất lạc. Mấy người chứng đã xác nhận như trên  
nên chúng tôi cấp chứng chỉ này để thay thế giấy KHAI-SANH cho

TRƯƠNG-THỊ-NHỎ chiếu theo điều 47 và 48 Hộ-luật Các người chứng  
đã cùng chúng tôi và ông Lục-sự ký tên ra sau.

Ký tên,

Lục sao y,

Phanhiết, ngày 29 tháng 4 năm 196 8

Đã trước bạ

tại Phanhiết ngày 3-6-65

Quyền 12 tờ 5 số 285

LỆ PHÍ MỖI BẢN SAO 5\$

NHÀ IN NGŨC-SAN PHANHIẾT



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH Bình-Thuận

QUẬN Hàm-Thuận

XÃ Phan-Thiết

SỐ HIỆU 2506



# TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 27 tháng 7 năm 19 68

NHA IN VUI VUI - PHAN-THIẾT

Tên họ đứa trẻ : NGUYỄN THỊ YẾN THU  
Con trai hay con gái : Nữ  
Ngày sanh : Ngày hai mươi hai, tháng bảy, năm một ngàn  
chín trăm sáu mươi tám ( 22-7-1968 )  
Nơi sanh : Đức-Nghĩa, Xã Phan-Thiết  
Tên họ người cha : NGUYỄN-HỮU-TÂN  
Tên họ người mẹ : TRƯƠNG THỊ NỮ  
Vợ chánh hay không có  
hôn thú : //  
Tên họ người đứng khai : NGUYỄN-HỮU-TÂN

- đã được người nữ  
tân và tương tự số  
nhân nhận là con tại  
Xã Phan-Thiết ngày 10-  
8-1968 đồng thời được  
chính thức hòa do chúng  
thư hòa thủ lập giữa  
Nguyễn Hữu Tân và Trương  
Thị Nữ tại Xã Phan-  
Thiết ngày 10-8-1968  
dưới sự hiện diện.

Phan-Thiết, ngày 10  
tháng 8 năm 1968 .  
Họ-Tên  
( in ký )



## TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Phan-Thiết, ngày 06 tháng 8 năm 19 74

Xã-TRƯỞNG KIỂM ỦY VIÊN HỘ TỊCH



NGUYỄN-THANH-HẢI

Khởi Chứng Thư Chữ Ký  
Quá Ủy-Viên Hộ-Tịch  
TC/Thư-Tư Số 4336/BNV  
HC/29 D.3. B.3. B.3. Ngày  
8-8-1974

ỦY BAN NHÂN DÂN  
Xã, Thị trấn **PHAN THIẾT**  
Thị xã, Quận **THUẬN HẢI**  
Thành phố, Tỉnh \_\_\_\_\_

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

**BẢN SAO**  
**GIẤY KHAI SINH**

Số \_\_\_\_\_  
Quyển số \_\_\_\_\_

|                                                                                              |                                                                |                                                     |                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------|
| Họ và tên                                                                                    | NGUYỄN THỊ VĂN TRANG                                           |                                                     | Nam, nữ <b>NỮ</b> |
| Sinh ngày<br>tháng, năm                                                                      | 30 - 05 - 1970                                                 |                                                     |                   |
| Nơi sinh                                                                                     | TIỂU KHU 17 PHƯỜNG LẠC ĐẠO THỊ XÃ<br>PHAN THIẾT TỈNH THUẬN HẢI |                                                     |                   |
| KHAI VỀ CHA MẸ                                                                               | CHA                                                            | MẸ                                                  |                   |
| Họ, tên, tuổi hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh                                                  | NGUYỄN HỮU TÂN<br>02 - 02 - 1948                               | TRƯƠNG THỊ NỮ<br>08 - 03 - 1947                     |                   |
| Dân tộc<br>Quốc tịch                                                                         | KINH<br>VIỆT NAM                                               | KINH<br>VIỆT NAM                                    |                   |
| Nghề nghiệp<br>Nơi ĐKNK thường trú                                                           | LÀM BIỂN<br>TIỂU KHU 17 PHƯỜNG<br>LẠC ĐẠO PHAN THIẾT           | BÚN BẮN<br>TIỂU KHU 17 PHƯỜNG<br>LẠC ĐẠO PHAN THIẾT |                   |
| Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK<br>thường trú, số giấy chứng<br>minh hoặc CNCC của<br>người đứng khai |                                                                |                                                     |                   |

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 14 tháng 2 năm 1983

TM/UBND *Phước* ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 1983  
Ký tên, đóng dấu tại rõ chữ vụ



*Nguyễn Thị Phước*



Số hiệu: 2799

# KHAI - SANH



Tên họ ấu nhi: NGUYỄN-HỮU-TUẤN  
Phái (Nam hay Nữ): Nam  
Sanh: Ngày một, tháng tám, năm một ngàn chín trăm  
Ngày tháng năm bảy mươi hai ( 01-08-1972 )  
Tại: Lạc-Dao, Phan-Thiết, Bình-Thuận  
Cha: Nguyễn-Hữu-Tân  
Tên họ: 24 Tuổi  
Tuổi: Công-Chức  
Nghề: Lạc-Dao, Phan-Thiết, Bình-Thuận  
Cư trú tại: Trương-Thị-Nở  
Mẹ: 25 Tuổi  
Tên họ: Nội-Trợ  
Tuổi: Lạc-Dao, Phan-Thiết, Bình-Thuận  
Nghề: Chính  
Cư trú tại: Nguyễn-Hữu-Tân  
Vợ: 24 Tuổi  
Chánh hay thứ: Công-Chức  
Người khai: Lạc-Dao, Phan-Thiết, Bình-Thuận  
Tên họ: Ngày chín tháng tám năm một ngàn chín  
Tuổi: trăm bảy mươi hai ( 9-8-1972 )  
Nghề: Bùi-văn-Bá  
Cư trú tại: 25 Tuổi  
Tên họ: Công-Chức  
Tuổi: Đức-Thắng, Phan-Thiết, Bình-Thuận  
Nghề: Bùi - Xương  
Cư trú tại: 23 Tuổi  
Tên họ: Công-Chức  
Tuổi: Lạc-Dao, Phan-Thiết, Bình-Thuận  
Nghề: Đức-Thắng, Phan-Thiết, Bình-Thuận  
Cư trú tại:

Viện Công Chứng Thủ Khoa  
Hàng Hải-Vân  
17/20 Phố Phan-Thiết  
Hà Nội - 1970

Lập tại Xã Đ. T. Phan-Thiết ngày 9 - 8 19 72

Người Khai Nguyễn-Hữu-Tân Hộ lợi, HOÀNG-DANH  
Nhân Chứng ĐỨC-THẮNG  
Người chứng thứ nhất BÙI-VĂN-BÁ  
Người chứng thứ nhì BÙI-XƯƠNG



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT 3

Xã, phường.....LẠC ĐẠO.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....099.....Huyện, Quận.....PHAN THIẾT.....Quyền số.....02.....Tỉnh, Thành phố.....THUẬN HẢI.....

## GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN HỮU TÀI Nam hay nữ NAM  
Ngày, tháng, năm sinh NGÀY HAI MƯƠI BỐN, THÁNG MƯỜI, NĂM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM BẢY  
LÂM ( 24 - 10 - 1975 )  
Nơi sinh LẠC ĐẠO - PHAN THIẾT - THUẬN HẢI  
Dân tộc KINH Quốc tịch VIỆT NAM

| Phần khai về cha, mẹ | Người mẹ                        | Người cha                       |
|----------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Họ và tên            | <u>TRƯƠNG THỊ NỞ</u>            | <u>NGUYỄN HỮU TÂN</u>           |
| Tuổi                 | <u>KINH 1947</u>                | <u>1948</u>                     |
| Dân tộc              | <u>KINH</u>                     | <u>KINH</u>                     |
| Quốc tịch            | <u>VIỆT NAM</u>                 | <u>VIỆT NAM</u>                 |
| Nghề nghiệp          | <u>BUÔN BÁN</u>                 | <u>LÀM BIỂN</u>                 |
| Nơi thường trú       | <u>TỔ DP 36, CỤM 5, LẠC ĐẠO</u> | <u>TỔ DP 36, CỤM 5, LẠC ĐẠO</u> |

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

TRƯƠNG THỊ NỞ, 1947, TỔ DP 36, CỤM 5, LẠC ĐẠO - PHAN THIẾTCMTD SỐ 260040624 LẠC ĐẠO, Tỉnh Thuận Hải, năm 1989Đăng ký ngày 21 tháng 8 năm 1989

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

ỦY VIÊN THỦ KÝ

Lê Thị Bích Châu

## CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày LẠC ĐẠO tháng 8 năm 89

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT 3

Xã, phường.....LẠC ĐẠO.....Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố.....03.....Huyện, Quận.....PHAN THIẾT.....Quyền số.....02.....Tỉnh, Thành phố.....THUẬN HẢI.....**GIẤY KHAI SINH**

(BẢN SAO)

Họ và tên.....NGUYỄN THỊ YẾN THẢO..... Nam hay nữ.....NỮ.....Ngày, tháng, năm sinh.....NGÀY SÁU, THÁNG HAI, NĂM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM BẢY TÁM  
( 06 - 02 - 1978 ).....Nơi sinh.....LẠC ĐẠO - PHAN THIẾT - THUẬN HẢI.....Dân tộc.....KINH..... Quốc tịch.....VIỆT NAM.....

| Phần khai về cha, mẹ | Người mẹ                        | Người cha                       |
|----------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Họ và tên            | <u>TRƯƠNG THỊ NỮ</u>            | <u>NGUYỄN HỮU TÂN</u>           |
| Tuổi                 | <u>1947</u>                     | <u>1948</u>                     |
| Dân tộc              | <u>KINH</u>                     | <u>KINH</u>                     |
| Quốc tịch            | <u>VIỆT NAM</u>                 | <u>VIỆT NAM</u>                 |
| Nghề nghiệp          | <u>BUÔN BÁN</u>                 | <u>LÀM BIỂN</u>                 |
| Nơi thường trú       | <u>TỔ DP 36, CỤM 5, LẠC ĐẠO</u> | <u>TỔ DP 36, CỤM 5, LẠC ĐẠO</u> |

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

TRƯƠNG THỊ NỮ, 1947, TỔ DP 36, CỤM 5, LẠC ĐẠO PHAN THIẾT  
CHỖ SỐ 260040634 LẠC ĐẠOĐăng ký ngày 04 tháng 05 năm 19 79

Người đứng khai

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

ỦY VIÊN THỦ KÝ

Trần Hòa Nhỏ**CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH**Ngày 27 tháng 1 năm 1979

TỈNH THUẬN HẢI

T/M ỦY BAN

CHỦ TỊCH

đóng dấu

Trần Hòa NhỏTrần Hòa Nhỏ

Kính - gởi :

Bà . Khỏe - Mình - Thưa .

Đầu Thư gởi Anh Chị em Tôi gởi đến Bà  
lời Chúc Sức Khỏe .

Mình . Nhân Được Thư Bà , gởi , दिल लै , लै , लै ,  
Độc qua lời Thư , chúng tôi cả Cảm  
Tưởng như người Thân Thiết gởi दिल लै लै लै  
Sống Sống .

Thưa Bà gởi . दिल không biết nói làm sao  
hết được tâm Thình tình của Bà đến với gởi  
dिल chúng tôi .

Mọi việc gởi दिल cũng như sự giúp đỡ của  
quê Hoi , với chúng . Nói rằng Bà có gắng  
giúp chúng tôi rất nhiệt tình , gởi दिल cũng mừng  
sống được kết quả .

- Toàn thể gởi दिल gởi đến Bà lời bất  
on Chân Thành Nhất .

Theo yêu cầu của quý Hoi chúng tôi Anh Kem  
gởi đến quý Hoi , Rộng chúng mình như dân  
Còn trong thời gian quân chế này họ chưa  
Cấp nữa chưa có -

Bà . gởi दिल thank thật cảm ơn  
Thấy mặt gởi दिल .

Caca

Ng - hien - Tân .

Mùng Bửi Thông Cần Cho. Vì sau ngày Aút Fin  
sau lần đi cải tạo nó làm một số giấy tờ sai  
lầm sinh. như giấy tờ củ Tả sinh năm 1948  
giờ sinh 1942 đi cho hợp và ở Việt Nam theo  
giấy tờ học cải tạo Mùng thông Cần. -

# THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỌ

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....  
Ký tên, đóng dấu

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....  
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....  
Ký tên, đóng dấu

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....  
Ký tên, đóng dấu

## NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

SỐ: 1583 CN

Họ và tên chủ hộ: .....

Trương Thị Kiều

Thôn, bản, xóm, ấp, ngõ, số nhà: .....

Xã, thị trấn, đường phố: .....

Tiêu khu, phường, đồn công an: T.D.P 36

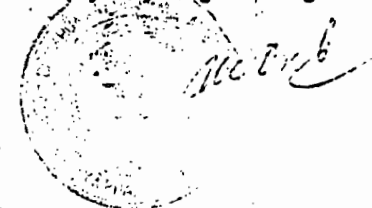
Huyện, quận, khu phố, thị xã: Phan Thiết

Tỉnh, thành phố: Bình Thuận

Ngày 11 tháng 7 năm 1980

Trưởng công an: .....

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Tập số: .....

Trang số: .....

Nguyễn Văn Tuấn

## **NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ**

| Số<br>thứ<br>tự | HỌ VÀ TÊN             | Quan hệ<br>với chủ hộ | Nam<br>hay<br>nữ | Ngày tháng<br>năm sinh | Số giấy<br>CMND | Nghề nghiệp và<br>nơi làm việc | Ngày tháng năm<br>đăng ký nhân<br>khẩu thường trú | Ngày tháng năm<br>và nơi chuyển đi | Tên cán bộ<br>ĐKHK |
|-----------------|-----------------------|-----------------------|------------------|------------------------|-----------------|--------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|
| 1               | 2                     | 3                     | 4                | 5                      | 6               | 7                              | 8                                                 | 9                                  | 10                 |
| 01              | Trương Thị Trào       | Chủ hộ                | Thi              | 1947                   |                 | Đầu tiên                       | 18/10/76                                          |                                    |                    |
| 02              | Nguyễn Thị Yến Thu    | Con                   | Thi              | 1968                   |                 |                                |                                                   |                                    |                    |
| 03              | Nguyễn Thị Yến Trang  | Con                   | Thi              | 1970                   | 260610332       |                                |                                                   |                                    |                    |
| 04              | Nguyễn Hữu Tuấn       | Con                   | Nam              | 1972                   |                 |                                |                                                   |                                    |                    |
| 05              | Nguyễn Hữu Bôi        | Con                   | Nam              | 1975                   |                 |                                |                                                   |                                    |                    |
| 06              | Nguyễn Thị Yến Thảo   | Con                   | Thi              | 1978                   |                 |                                |                                                   |                                    |                    |
| 07              | Nguyễn Hữu Tấn<br>Lạc | chồng                 | Nam              | 1942                   |                 |                                | 09.1.1988                                         |                                    |                    |

ĐINH THANH HỒY 8 tháng 8 năm 1988  
 THỦ LƯU BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 1  
 TP. CHỦ TỊCH CM

LÊ THỊ THANH LOAN

# THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....  
Ký tên, đóng dấu

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....  
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....  
Ký tên, đóng dấu

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....  
Ký tên, đóng dấu

## NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

SỐ : 1583 CN

Họ và tên chủ hộ : Trương Thị Tươi

Thôn, bản, xóm, ấp, ngõ, số nhà : .....

Xã, thị trấn, đường phố : .....

Tiêu khu, phường, đồn công an : T.Đ.P.36 Lạc Lạc

Huyện, quận, khu phố, thị xã : Phước Thiệt

Tỉnh, thành phố : Thị trấn Huế

Ngày 14 tháng 7 năm 1983

Trưởng công an : Trần Văn?  
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Tập số : .....

Trang số : .....

## **NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ**

| Số<br>thứ<br>tự | HỌ VÀ TÊN            | Quan hệ<br>với chủ hộ | Nam<br>hay<br>nữ | Ngày tháng<br>năm sinh | Số giấy<br>CMND | Nghề nghiệp và<br>nơi làm việc | Ngày tháng năm<br>đăng ký nhân<br>khẩu thường trú | Ngày tháng năm<br>và nơi chuyên đi | Tên cán bộ<br>ĐKKH |
|-----------------|----------------------|-----------------------|------------------|------------------------|-----------------|--------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|
| 1               | 2                    | 3                     | 4                | 5                      | 6               | 7                              | 8                                                 | 9                                  | 10                 |
| 01              | Trần Văn Thọ         | Chủ hộ                | Trí              | 1947                   |                 | Đầu tư                         | 18/10/76                                          |                                    |                    |
| 02              | Nguyễn Thị Yến Thu   | Con                   | Trí              | 1968                   |                 |                                |                                                   |                                    |                    |
| 03              | Nguyễn Thị Yến Trang | Con                   | Trí              | 1970                   | 160610332       |                                |                                                   |                                    |                    |
| 04              | Nguyễn Hữu Tuấn      | Con                   | Nam              | 1972                   |                 |                                |                                                   |                                    |                    |
| 05              | Nguyễn Hữu Tài       | Con                   | Nam              | 1975                   |                 |                                |                                                   |                                    |                    |
| 06              | Nguyễn Thị Yến Thảo  | Con                   | Trí              | 1978                   |                 |                                |                                                   |                                    |                    |
| 07              | Nguyễn Hữu Sơn       | Chồng                 | Nam              | 1943                   |                 |                                | 29.1.1988                                         |                                    |                    |

LÊ THỊ THANH LOAN  
 02/05/1989  
 THỦ LƯU DAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 12  
 02/05/1989

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NHẬP ĐƠN

ODP IV 0

Date/Ngày:

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:

Gửi số câu hỏi này tới:  
Tổ Công Tác Việt-Nam  
6 Chu Văn An  
Hà Nội

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

- Name/Họ, tên: NGUYỄN-HỮU-TÂN Sex/Phái: nam
- Other Names/Họ, tên khác:
- Date/Place of Birth/Ngày/Nơi Sinh: 02-02-1942 An Hải, Hải Lang, Bình Thuận
- Residence Address: Địa-chỉ thường-trú: Xã An Hải, Huyện Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
- Mailing-Address: Địa-chỉ thư-tủ:
- Current Occupation/Nghề-nghiệp hiện tại: Dạy và Biện

B. Relatives to accompany me/Bà con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-dình như sau: Đã lập gia-dình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

| Name<br>Họ, Tên   | Date of Birth<br>Ngày/Tháng/<br>Năm sinh | Place of Birth<br>Nơi sinh | Sex<br>Phái | MS<br>Tình trạng<br>gia-dình | Relation<br>Liên-hệ<br>gia-dình |
|-------------------|------------------------------------------|----------------------------|-------------|------------------------------|---------------------------------|
| 1. Nguyễn Hữu Tân | 1942                                     | Thị trấn Hải               | nam         |                              |                                 |
| 2. Hoàng Thị Nở   | 1947                                     | Thị trấn Hải               | nữ          |                              | Vợ                              |
| 3. Nguyễn Thị Yến | 1968                                     | Thị trấn Hải               | nữ          | Con gái                      | Con                             |
| 4. Nguyễn Thị Yến | 1970                                     | Thị trấn Hải               | nữ          |                              | Con                             |
| 5. Nguyễn Thị Yến | 1972                                     | Thị trấn Hải               | nữ          |                              | Con                             |
| 6. Nguyễn Hữu Tân | 1975                                     | Thị trấn Hải               | nam         |                              | Con                             |
| 7. Nguyễn Thị Yến | 1978                                     | Thị trấn Hải               | nữ          |                              | Con                             |
| 8.                |                                          |                            |             |                              |                                 |
| 9.                |                                          |                            |             |                              |                                 |
| 10.               |                                          |                            |             |                              |                                 |

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompany relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh-dịch trên, chúng tôi cần một bản, khai-sinh, giá-thê (nếu lập gia-dình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con ở cùng đi với bạn không chung-ngự với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

a. Address/Địa chỉ

b. Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoại Quốc

1. Mother/Mẹ  
Of myself/của tôi Of my spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative in the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ (nếu có)

a. Name/Họ, Tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

c. Address/Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest relative in other foreign countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name/Họ, tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

c. Address/Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh-Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father/Cha

Nguyễn Văn Thanh (chết)

2. Mother/Mẹ

Đỗ Thị Cúc (chết)

3. Spouse/Vợ/Chồng

Trần Thị Nở + Nguyễn Văn Tấn

4. Former spouse (if any)/Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children/Con cái: (1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings/Anh chị em: (1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

Agency/Company/Office

Số/Hãng/Văn-Phòng

Length of Employment/

Thời-gian làm-việc

From/

Từ:

To/

Tới:

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse

Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

Employee Name/

1. Employee Name/

Tên họ nhân-viên

Position title/Chức-vụ

Position title/Chức-vụ

Agency/Company/Office

Số/Hãng/Văn-Phòng

Length of Employment/

Thời-gian làm-việc

From/

Từ:

To/

Tới:

Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ

Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc

2. Employee Name/Name of RVNAF By You Or Your Spouse/

Tên họ nhân-viên

Position title/Chức-vụ

Agency/Company/Office

Số/Hãng/Văn-Phòng

Length of Employment/

Thời-gian làm-việc

From/

Từ:

To/

Tới:

Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ

Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc

3. Employee Name/

Tên họ nhân-viên

Position title/Chức-vụ

Agency/Company/Office

Số/Hãng/Văn-Phòng

Length of Employment/

Thời-gian làm-việc

From/

Từ:

To/

Tới:

Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ

Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/

Bạn hoặc Vợ/Chồng đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving/

Họ tên người tham-gia

Nguyễn - Huân - Tân

2. Dates/Ngày, tháng, năm

From/Từ:

15-9-1966

To/Tới:

20-5-1975

3. Last Rank

Cấp-bậc cuối-cùng

Trung Sĩ

Serial Number/

Số thẻ nhân-viên

126970

4. Ministry/Office/Military Unit

Đội/sở/Đơn-Vị/Binh-Chúng

Phòng Sát Quân sự

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy

Hồ Đức - Nhì

6. Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc: \_\_\_\_\_

7. Names of American Advisor(s)/Họ tên cố-vấn Mỹ: \_\_\_\_\_

8. U.S. Training Courses in Vietnam/Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ tại Viet-Nam: \_\_\_\_\_

9. U.S. Awards or Certificates  
Name of award/Phần-thưởng hoặc giấy khen: \_\_\_\_\_ Date received/ Ngày nhận: \_\_\_\_\_

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes \_\_\_\_\_ No \_\_\_\_\_) / (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thư nếu có. Đừng sợ có không? Có \_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/ Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee/ Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: \_\_\_\_\_

2. School and School Address/ Trường và địa-chỉ nhà trường: \_\_\_\_\_

3. Dates/Ngày, tháng, năm: From/Từ: \_\_\_\_\_ To/Đến: \_\_\_\_\_

4. Description of Courses/ Mô-tả ngành học: \_\_\_\_\_

5. Who paid for training? Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : \_\_\_\_\_

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes \_\_\_\_\_ No \_\_\_\_\_) / (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có \_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_)

H. Re-education of you or your spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation/ Họ tên người đi học-tập cải-tạo: Nguyễn Kim Tân

2. Time in Reeducation/Thời gian học-tập: From/Từ: 11/3/1978 To/Đến: 01/1/1988

3. Still in Reeducation?/Vẫn còn học-tập cải-tạo? \* Yes/Có \_\_\_\_\_ No/Không \_\_\_\_\_

\*(If released, we must have a copy of your release certificate.) / \*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc? \_\_\_\_\_

Không phù hợp chế độ, xin được tự do  
chính trị (tại Hoa Kỳ)

Signature/Ký tên: [Signature] Date/Ngày: 03/11/1989

J. Please list here all documents attached to this questionnaire/ Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1/ Giấy ra Trại 1 bản  
2/ Sơ vụ Lệnh 1 -  
3/ Giấy - Định 1 -  
4/ Quyết định 1 -  
5/ Hết - Khẩn 1 -  
6/ Hết - Hết 1 -  
7/ Hết - Khẩn 1 -  
8/ Hết - Khẩn 1 -  
9/ Hết - Khẩn 1 -  
10/ Hết - Khẩn 1 -  
11/ Hết - Khẩn 1 -  
12/ Hết - Khẩn 1 -  
13/ Hết - Khẩn 1 -  
14/ Hết - Khẩn 1 -  
15/ Hết - Khẩn 1 -  
16/ Hết - Khẩn 1 -  
17/ Hết - Khẩn 1 -  
18/ Hết - Khẩn 1 -  
19/ Hết - Khẩn 1 -  
20/ Hết - Khẩn 1 -  
21/ Hết - Khẩn 1 -  
22/ Hết - Khẩn 1 -  
23/ Hết - Khẩn 1 -  
24/ Hết - Khẩn 1 -  
25/ Hết - Khẩn 1 -  
26/ Hết - Khẩn 1 -  
27/ Hết - Khẩn 1 -  
28/ Hết - Khẩn 1 -  
29/ Hết - Khẩn 1 -  
30/ Hết - Khẩn 1 -  
31/ Hết - Khẩn 1 -  
32/ Hết - Khẩn 1 -  
33/ Hết - Khẩn 1 -  
34/ Hết - Khẩn 1 -  
35/ Hết - Khẩn 1 -  
36/ Hết - Khẩn 1 -  
37/ Hết - Khẩn 1 -  
38/ Hết - Khẩn 1 -  
39/ Hết - Khẩn 1 -  
40/ Hết - Khẩn 1 -  
41/ Hết - Khẩn 1 -  
42/ Hết - Khẩn 1 -  
43/ Hết - Khẩn 1 -  
44/ Hết - Khẩn 1 -  
45/ Hết - Khẩn 1 -  
46/ Hết - Khẩn 1 -  
47/ Hết - Khẩn 1 -  
48/ Hết - Khẩn 1 -  
49/ Hết - Khẩn 1 -  
50/ Hết - Khẩn 1 -  
51/ Hết - Khẩn 1 -  
52/ Hết - Khẩn 1 -  
53/ Hết - Khẩn 1 -  
54/ Hết - Khẩn 1 -  
55/ Hết - Khẩn 1 -  
56/ Hết - Khẩn 1 -  
57/ Hết - Khẩn 1 -  
58/ Hết - Khẩn 1 -  
59/ Hết - Khẩn 1 -  
60/ Hết - Khẩn 1 -  
61/ Hết - Khẩn 1 -  
62/ Hết - Khẩn 1 -  
63/ Hết - Khẩn 1 -  
64/ Hết - Khẩn 1 -  
65/ Hết - Khẩn 1 -  
66/ Hết - Khẩn 1 -  
67/ Hết - Khẩn 1 -  
68/ Hết - Khẩn 1 -  
69/ Hết - Khẩn 1 -  
70/ Hết - Khẩn 1 -  
71/ Hết - Khẩn 1 -  
72/ Hết - Khẩn 1 -  
73/ Hết - Khẩn 1 -  
74/ Hết - Khẩn 1 -  
75/ Hết - Khẩn 1 -  
76/ Hết - Khẩn 1 -  
77/ Hết - Khẩn 1 -  
78/ Hết - Khẩn 1 -  
79/ Hết - Khẩn 1 -  
80/ Hết - Khẩn 1 -  
81/ Hết - Khẩn 1 -  
82/ Hết - Khẩn 1 -  
83/ Hết - Khẩn 1 -  
84/ Hết - Khẩn 1 -  
85/ Hết - Khẩn 1 -  
86/ Hết - Khẩn 1 -  
87/ Hết - Khẩn 1 -  
88/ Hết - Khẩn 1 -  
89/ Hết - Khẩn 1 -  
90/ Hết - Khẩn 1 -  
91/ Hết - Khẩn 1 -  
92/ Hết - Khẩn 1 -  
93/ Hết - Khẩn 1 -  
94/ Hết - Khẩn 1 -  
95/ Hết - Khẩn 1 -  
96/ Hết - Khẩn 1 -  
97/ Hết - Khẩn 1 -  
98/ Hết - Khẩn 1 -  
99/ Hết - Khẩn 1 -  
100/ Hết - Khẩn 1 -

BỘ NỘI VỤ  
Trại **Xuân phước**  
Số 28 GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 0 | 3 | 7 | 7 | 9 | 0 | 6 | 8 | 5 | 1 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

SUSLD

## GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 965-BGA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số **05B/ĐX** ngày **30** tháng **10** năm **1987**

của **Hội đồng đặc xá trung ương**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Nguyễn Hữu Tân**

Sinh năm 19 **42**

Các tên gọi khác

**Thuận hải**

Nơi sinh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: **P Lạc đạo, Phan thiết, thuận hải**

Can tội **Âm mưu lật đổ chính quyền**

Bị bắt ngày **11/03/1978** Án phạt **15 năm**

Theo ~~quyết định~~ án văn số **16** ngày **14** tháng **5** năm **1979** của **Viện kiểm sát nhân dân tỉnh thuận hải**

Đã bị tăng án **lần, cộng thành** năm tháng

Đã được giảm án **06** lần, cộng thành **05** năm **06** tháng

Nay về cư trú tại **Tiểu khu 20, P Lạc đạo, Thuận hải**

Nhận xét quá trình cải tạo:

- **Tư tưởng**: Đã xác định rõ tội lỗi chịu sự cải tạo **Lao động** đảm bảo ngày công hoàn thành mức khoán được giao. Học tập tham gia đầy đủ tiếp thu được. Nội quy chấp hành nghiêm **ít sai phạm**. Đã được giảm án **06** lần cộng thành **05** năm **06** tháng (vì theo **quyết định** số **05B/TK** của **HĐQT**). Xếp loại cải tạo: **Khá**

- **Đề nghị** chính quyền địa phương tiếp tục theo dõi **giúp đỡ** đương sự về làm ăn sinh sống để trở thành người công dân lương thiện ./.

Phương sự phải tính diện tại UBND Phường, xã: **Phường, lạc đạo**

Trước ngày **5** tháng **01** năm **1988**

Lưu tay ngôn từ phải  
Của **Nguyễn Hữu Tân**

Định mức **222PT**  
Lập tại **Phan thiết**

Họ tên, chữ ký  
người được cấp giấy

Ngày **2** tháng **1** năm **1988**

Giám thị

**Nguyễn Hữu Tân**

**Say 51/8**  
Sinh **THÀNH** ngày **8** tháng **8** năm **1989**

**THÀNH NHÂN DÂN PHƯƠNG 17**

**CHỦ TỊCH**



**LÊ THỊ THANH LOAN**

44

Chiếu .....  
.....

Chiếu các Sự-vụ-lệnh số 1413, 1536, 1726, 17:7, 989, 1734, 1745-BNV/TCSQG/HCVN/SVL ngày 31.12, 30.12, 27.12, 14.6, 5.10 và 4.11.1965, tuyển dụng một số Cảnh-Sát-Viên phù-động đồng-hóa cộng nhậ vào giúp việc ngành Cảnh-Sát Quốc-Gia ;

I.- Nay thâu hồi các S.-vụ-lệnh nói trên riêng về phân tuyển dụng cho các nhân-viên có tên sau đây vì không đến nhận việc :

- .....  
- .....

Chiếumhu-cầu công-vụ ;

II.- Các ứng viên có tên dưới đây nay được thâu-dụng vào giúp việc ngành Cảnh-Sát Quốc-Gia (Nha Cảnh-Sát Quốc-Gia Miền Nam Trung-Nguyên Trung-Phần Nha-Trang) với tư-cách Cảnh-Sát-Viên Phù-Động Đồng-Hóa Công-Nhật Cl/1 :

- .....  
- .....

- NGUYỄN-K'Y-TÂN ( 02.02.1948 )  
- .....

Nếu bất cứ vì lẽ gì mà sự tuyển dụng này không được chấp thuận, các đương-sự sẽ bị ngưng trả lương và thối-hồi vô điều-kiện không cần báo trước.

Sự-vụ-lệnh này có hiệu-lực kể từ ngày các đương-sự chính-thức nhận việc sau khi được duyệt ký.-

KIỂM-SOÁT ƯỚC CHI

Ngày 10. VIII.1966  
Ký tên : THÁI-PHI-VÂN  
Kiểm-Soát-Viên Ước-Chi.

Saigòn, ngày 23 tháng 8 năm 1966  
TUN. TỔNG ỦY-VIÊN AN-NINH QUỐC-GIA.-  
TỔNG GIÁM-ĐỐC CẢNH-SÁT QUỐC-GIA  
Ký tên : Đại-Tá NGUYỄN-HỌC-LOAN.

PHU BÓN :

Chánh Sự-Vụ Sở Nhân-Viên  
(Ấn ký)

LÊ-SON-THANH

-----  
TRÍCH SAO Y BẢN CHÍNH

Phan-Thiết, ngày 06 tháng 08 năm 1969  
TUN. TRƯỞNG-TY CẢNH-SÁT QUỐC-GIA BÌNH-THUẬN



HÀ-DUY-KIÊN

(/ IKT-NAM CỘNG-HÒA  
BỘ NỘI-VU  
---000---

NGUY-DINH SỐ 226-BNV/PTL/CSQG/ND  
Ngày 17 tháng 7 năm 1972 bổ dụng O. TRINH-LIÊN và 99  
Nhân-viên khác vào ngạch Phó Thám-Sát-Viên Tập-Sự.

TỔNG TRƯỞNG NỘI-VU ,

Chiếu Viên pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1.4.1967 ;  
Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1.9.1969 và các văn-kiên kế tiếp ấn-  
định thành Phần Chánh-Phủ ;

Chiếu Sắc-Lệnh số 34-SL/AV ngày 13.7.1968 tổ chức Bộ Nội-Vụ ;

Chiếu .....

Chiếu biên-bản phiên họp ngày 27.3.1972 tại Bộ Nội-Vụ cho nhân-viên  
Công-nhật thuộc İçte-Lượng Cảnh-Sát Quốc-Gia nhập ngạch diện thi ;

Theo đề-nghị của TƯ-LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC-GIA,

NGUY - DINH

Điều 1.- Nay chấp-thuận cho các Cảnh-Sát-Viên Phụ-Động Đồng-Hóa  
Công-Nhật có trên 4 năm thâm-niên công-vụ, được bổ dụng vào ngạch Phó Thám-S  
Sát-Viên tập-sự, kể từ 01.01.1971 về hai phương-diện thâm-niên và lương-bổng  
như-sau :

| Số | thứ | tự | HỌ VÀ TÊN         | Ngày sanh | Số     | trước | Nhiệm - số               |
|----|-----|----|-------------------|-----------|--------|-------|--------------------------|
|    |     |    |                   |           |        | tích  |                          |
| 54 | :   | :  | NGUYỄN-HỮU-TÂN    | 2.2.1948  | 22.251 | :     | BCH/CSQG Tỉnh Bình-Thuận |
| 56 | :   | :  | NGUYỄN-VĂN-CHUYÊN | 14.1.1948 | 22.253 | :     | BCH/CSQG Tỉnh Bình-Thuận |

Điều 2.- TƯ-LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC-GIA và Tổng Thư-Ký Bộ Nội-Vụ, chiếu  
nhiệm-vụ thi-hành Nghị-Định này .-

NGUY-NHẬN :

Cáo đương-sự

PHU - BỐN :  
Giám-Đốc Nha Hành-Chánh  
Ký tên : PHU-TRUNG-KIỆN

Sài-Gòn, ngày 17 tháng 7 năm 1972

TUV. Tổng-Trưởng Bộ Nội-Vụ  
Tổng Thư-Ký  
Ký tên : TRINH-LIÊN-NAM

Kiểm-Sat Uớc-Chi  
ngày 12.7.1972

Kiểm-nhận Quý Hưu-Tổng Văn-Giới  
ngày 31.5.1972 số 1683-TT

ND. SỐ 226-BNV/PTLCSQG/ND  
ngày 17.7.1972

Chiếu-Hội Nha Tổng Giám-Đốc Công-Vụ  
ngày 4.7.1972

SAC-Y :

Chủ-Sự Phòng Nhân Sự-Vụ  
Bộ Tư-Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia  
Trần-Văn-Lợi (ấn-ký)

SAC - Y

Chánh Sự-Vụ Sở Nhân-Viên  
(ấn ký HOÀNG-BÌNH-GIANG)

A O . Y

Phan-Thiết ngày 24 tháng 7 năm 1972

II. CHỈ-MỆY TRƯỞNG QUẢN LÝ BÌNH-THUẬN,  
CHỦ-SỰ PHÒNG NHÂN-SỰ

BÌNH-THUẬN Ngày 8 tháng 8 năm 1989

THỦ-LƯU BAN NHÂN-DÂN PHƯƠNG 17

TL CHỦ-TỊCH



LÊ THỊ THANH-LUẬN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
Phủ Thủ-Tướng  
Bộ Tư-Lệnh  
Cảnh-Sát Quốc-Gia

TƯ-LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC-GIA

Số : 29087/BTL/NV/QĐ

Chiếu .....

Q U Y Ế T - Đ Ị N H

Điều 1.- Những Cảnh-Sát-viên có tên sau đây,  
được đặc-cách thăng cấp Cảnh-Sát-Viên thực-thụ kể từ  
ngày 01.12.1972 :

| Số<br>thứ tự | Họ và tên<br>ngày sanh       | Chỉ số lương củ | Đơn-vị         |
|--------------|------------------------------|-----------------|----------------|
| 260          | NGUYỄN-KHẮC-BÌNH<br>2.2.1936 | CHỈ : 100       | ĐƠN/QUẢN-LƯU 2 |

Điều 2.- Tư-Lệnh Phó, Phụ-Tá Tư-Lệnh Trưởng Khối  
Nhân-Viên, chiếu nhiệm-vụ, thi-hành Quyết-Định này.-

Saigon, ngày 02 tháng 02 năm 1973.

TƯ-LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC-GIA

Ký tên : Chuẩn-Tướng NGUYỄN-KHẮC-BÌNH

PHỤ BỐN :

PHỤ-TÁ TƯ-LỆNH TRƯỞNG KHỐI NHÂN-VIÊN

Ấn ký : Đại-Tá NGUYỄN-THUẬN-SANH

T R Í C H Y :

Phan-Thiết, ngày 12 tháng 3 năm 1973  
TL.CHỈ-HUY-TRƯỞNG CSQG. TỈNH BÌNH-THUẬN  
CHỦ-SỰ CÁN-SÁT QUỐC-GIA



NGỒ-TR-NG-GIA

GIẤY THẺ VÌ KHAI-SANH  
 CỦA NGUYỄN-HỮU-TÂN  
 SỐ 469  
 NGÀY 08-02-1966

# TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ THẺ VÌ HỘ-TỊCH

LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ  
 TÒA SƠ-THẨM BÌNH-THUẬN



Một bản chính giấy thẻ vì KHAI-SANH  
 của NGUYỄN-HỮU-TÂN do Nguyễn-hữu-Hậu xin cấp  
 đã được Ông Đào-minh-Lương Chánh Án  
 Tòa Sơ Thẩm Bình-Thuận có Lục-Sự Ôn-năng-Nhuộng  
 phụ tá, lập ngày 08-2-1966 và đã trước bạ

## TRÍCH RA NHƯ SAU :

- 1) Trần-Cầu
- 2) Nguyễn-Sáu
- 3) Nguyễn-Phú

Những người này, sau khi nghe đọc các điều khoản của Bộ Hình-Luật trừng phạt người phạm tội làm chứng gian trong việc dân-sự, đã tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc rằng :

NGUYỄN-HỮU-TÂN, trai, sanh ngày Hai, tháng Hai, Năm Một Ngàn Chín Trăm Bốn-mươi-Tám (02-02-1948) tại xã An-Hải, Quận Hải-Long, tỉnh Bình-Thuận, con ông Nguyễn-Hữu-Thanh (chết) và bà Đỗ-thị-Cút ./)

Trước bạ tại Phan-Thiết  
 ngày 09-2-1966  
 Quyền 12 Từ 83 Số 86  
 Thầu .....

Trưởng Ty Trước Bạ  
 Ký tên và đóng dấu

Lý do lập giấy Thẻ-Vì Hộ-Tịch : Số hộ-tịch nơi sanh quán bị thất lạc vì biến cố chiến tranh

TRÍCH Y BẢN CHÍNH DH/..

Phan-Thiết, ngày 08 tháng 8 năm 1974

CHÁNH LỤC-SỰ,



PHAN-VĂN QUẾ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tỉnh : BÌNH-THUẬN

Quận : HÀM-THUẬN

Xã : PHAN-THIỆT

# TRÍCH - LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Số hiệu

268

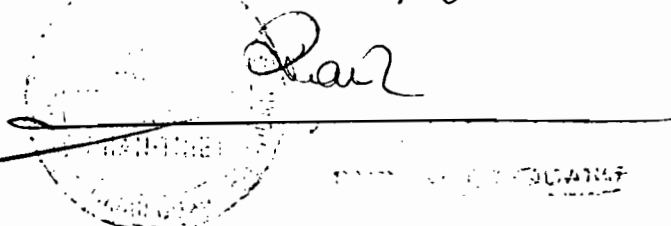
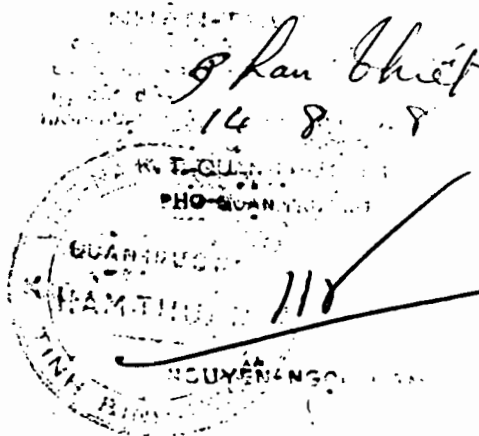
Nhà in VUI - VUI - Phan-Thiết

Tên họ người chồng NGUYỄN-HỮU-TÂN  
Nghề - nghiệp Công-chức  
Sanh ngày Hai, tháng Hai, năm một ngàn chín trăm  
bốn mươi Tám (2-2-1948)  
Tại An-Hải, Quận Hải-Long, Tỉnh Bình-Thuận  
Cư sở tại An-Hải, Quận Hải-Long, Tỉnh-Bình-Thuận  
Tạm trú tại Ấp Đức-Nghĩa, Xã Châu-Thành Phan-Thiết  
Tên họ cha chồng Nguyễn-Hữu-Thanh (chết)  
(Sống chết phải nói)  
Tên họ mẹ chồng Đỗ-Thị-Cút (sống)  
(Sống chết phải nói)  
Tên họ người vợ TRƯƠNG-THỊ-NỖ  
Nghề - nghiệp Nội-trợ  
Sanh ngày Tám, tháng Ba, năm một ngàn chín trăm  
bốn mươi bảy (8-3-1947)  
Tại Ấp Đức-Nghĩa, Xã Châu-Thành Phan-Thiết  
Cư sở tại Ấp Đức-Nghĩa, Xã Châu-Thành Phan-Thiết  
Tạm trú tại Ấp Đức-Nghĩa, Xã Châu-Thành Phan-Thiết  
Tên họ cha vợ Trương-Văn-Thuận (sống)  
(Sống chết phải nói)  
Tên họ mẹ vợ Lê-Thị-Nhi (sống)  
(Sống chết phải nói)  
Ngày cưới Ngày Mười, tháng Tám năm một ngàn  
chín trăm sáu mươi tám (10-8-1968)  
Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế //  
Ngày //  
//  
Tại //

## TRÍCH Y BỒN CHÍNH

Phan-Thiết ngày 12 tháng 8 năm 1968

Viên chức Hộ tịch Mu



Sauy 01/8  
SINH-THÀNH-NGOẠI 8 tháng 8 năm 1989  
TAM-UY-DAN-NHAN-DAN PHUONG 17  
CHỦ-TỊCH



## CHỨNG CHỈ THỂ VÌ KHAI-SANH

Năm : 19 65  
Số 1816

của

TRƯƠNG-THY-NỖ

Năm 1965 ngày 1 tháng 6 hồi 9 giờ

Trước mặt chúng tôi ĐÀO-MINH-LƯƠNG

Chánh-Án Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền Tỉnh Bình-Thuận ngồi tại văn phòng  
phòng có Ông Ôn-năng-Nhuong Lục sự giúp việc

CÓ BẾN TRÌNH DIỆN :

- 1/ Nguyễn-hồng-Sinh
- 2/ Võ-Em
- 3/ Nguyễn-Nghê

Những nhân chứng trên đã tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc

TRƯƠNG-THY-NỖ, con gái, sinh ngày tám, tháng  
ba, năm một ngàn chín trăm bốn mươi bảy (1947) tại  
Ấp Đức-Nghĩa Phan Thiết, Bình-Thuận, là con của Ông  
Trương-van-Thuận và bà Lê-thị-Nhị.

và duyên cớ mà y không thể xin sao lục KHAI-SANH được là vì biến cố  
chiến tranh, bản chính đã bị thất lạc. Mấy người chứng đã xác nhận như trên  
nên chúng tôi cấp chứng chỉ này để thay thế giấy KHAI-SANH cho

TRƯƠNG-THY-NỖ chiếu theo điều 47 và 48 Hộ-luật Các người chứng  
đã cùng chúng tôi và Ông Lục-sự ký tên ra sau.

Ký tên,

Lục sao y,

Phan Thiết, ngày 29 tháng 4 năm 196 8

CHÁNH LỤC-SỰ,

Đã trước bạ

tại Phan Thiết ngày 3-6-65

Quyền 12 tờ 5 số 285

LÊ PHÍ MỖI BẢN SAO 5\$

NHÀ IN QUỐC-DÂN - PHAN THIẾT



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH Bình-Thuận

QUẬN Hàm-Thuận

XÃ Phan-Thiết

SỐ HIỆU 2506



# TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 27 tháng 7 năm 19 68

NHA IN VUI VUI - PHAN-THIET

Tên họ đứa trẻ : NGUYỄN THỊ MIẾN THU  
Con trai hay con gái : Nữ  
Ngày sanh : Ngày hai mươi hai, tháng bảy, năm một ngàn  
chín trăm sáu mươi tám ( 22-7-1968 )  
Nơi sanh : Đức-Nghĩa, Xã Phan-Thiết  
Tên họ người cha : NGUYỄN-HỮU-TÂN  
Tên họ người mẹ : TRƯƠNG THỊ NỖ  
Vợ chánh hay không có  
hôn thú : //  
Tên họ người đứng khai : NGUYỄN-HỮU-TÂN

- sẽ được hưởng tất  
tân và tương tự nó  
nhân nhân là con tại  
Xã Phan-Thiết ngày 10-  
8-1968 đang thời được  
chính thức hóa do chúng  
thứ hơn thì lập gia  
Nguyễn Hữu Tân và Trương  
Thị Nỗ tại Xã Phan-  
Thiết ngày 10-8-1968  
dưới sự lập 206,

Phan-Thiết, ngày 10  
tháng 8 năm 1968 .

( Ký )

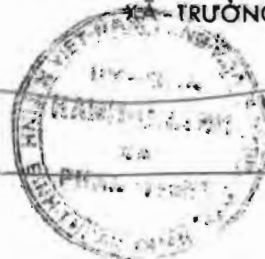


Khởi Chứng Thư Chữ Ký  
Quá Ủy-Viên Hộ-Tịch  
TĐ/Thống-Tự-Số 4354/SNV  
HĐ/25 Qua Bộ-SNV Ngõ  
3-6-1970

## TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Phan-Thiết, ngày 06 tháng 8 năm 19 74

XÃ-TRƯỞNG KIỂM ỦY VIÊN HỘ TỊCH *Int*



*ccayha*  
NGUYỄN-THANH-HẢI

ỦY BAN NHÂN DÂN  
Xã, phường... LẠC ĐẠO  
Huyện, Quận... PHAN THIẾT  
Tỉnh, Thành phố... THUẬN HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3  
Số... 100  
Quyền số... 01



## GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên... NGUYỄN THỊ YẾN TRANG Nam hay nữ... NỮ  
Ngày, tháng, năm sinh... NGÀY BA MƯƠI, THÁNG NĂM, MỘT NGÀN CHÍN TRĂM BẢY MƯƠI  
( 30 - 05 - 1970 )  
Nơi sinh... LẠC ĐẠO - PHAN THIẾT - THUẬN HẢI  
Dân tộc... KINH Quốc tịch... VIỆT NAM

| Phần khai về cha, mẹ | Người mẹ                        | Người cha                       |
|----------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Họ và tên            | <u>TRƯƠNG THỊ HỮ</u>            | <u>NGUYỄN HỮU TÂN</u>           |
| Tuổi                 | <u>1947</u>                     | <u>1948</u>                     |
| Dân tộc              | <u>KINH</u>                     | <u>KINH</u>                     |
| Quốc tịch            | <u>VIỆT NAM</u>                 | <u>VIỆT NAM</u>                 |
| Nghề nghiệp          | <u>BUỒN BẮN</u>                 | <u>LÀM BIỂN</u>                 |
| Nơi thường trú       | <u>TỔ DP 36, CỤM 5, LẠC ĐẠO</u> | <u>TỔ DP 36, CỤM 5, LẠC ĐẠO</u> |

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

TRƯƠNG THỊ HỮ, 1947, TỔ DP 36, CỤM 5, LẠC ĐẠO PHAN THIẾT

CMND SỐ 260040634

Đăng ký ngày 21 tháng 8 năm 1989

Người đứng khai

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN  
ỦY VIÊN THỦ KÝ

Lê Thị Bích Châu



CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 8 năm 1989

TỈNH THUẬN HẢI

T/M UBND

ký tên, đóng dấu

ỦY VIÊN THỦ KÝ

LỆ PHÉ CHỨNG THỰC 30°

Lê Thị Bích Châu

Số hiệu: 2799 ✓

# KHAI - SANH



Tên họ ấu nhi: NGUYỄN-HỮU-TUẤN

Phái (Nam hay Nữ): Nam

Sanh: Ngày một, tháng tám, năm một ngàn chín trăm  
Ngày tháng năm hảy mươi hai ( 01-08-1972 )

Tại: Lạc-Hợp, Phan-Thiết, Bình-Thuận

Cha: Nguyễn-Hải-Chân

Tên họ 24 Tuổi

Tuổi: Công-Chức

Nghề: Lạc-Hợp, Phan-Thiết, Bình-Thuận

Cư trú tại: Trưởng-Hải-Ng

Mẹ: 25 Tuổi

Tên họ Hội-Trợ

Tuổi: Lạc-Hợp, Phan-Thiết, Bình-Thuận

Nghề: Chính

Cư trú tại: Nguyễn-Hải-Chân

Vợ: 24 Tuổi

Chánh hay thứ Công-Chức

Người khai: Lạc-Hợp, Phan-Thiết, Bình-Thuận

Tên họ Ngày chín tháng tám năm một ngàn chín

Tuổi: trăm bảy mươi hai ( 9-8-1972 )

Nghề: Phải-Văn-Bá

Cư trú tại: 25 Tuổi

Tên họ Công-Chức

Nghề: Hải-Trưởng, Phan-Thiết, Bình-Thuận

Cư trú tại: Hải - Hoàng

Người chứng thứ nhất: 23 Tuổi

Tên họ Công-Chức

Tuổi: Lạc-Hợp, Phan-Thiết, Bình-Thuận

Nghề: Lạc-Hợp, Phan-Thiết, Bình-Thuận

Cư trú tại: Lạc-Hợp, Phan-Thiết, Bình-Thuận

Khai chứng theo chữ ký  
của Ủy-Viên Hộ-Tịch  
Tổ-Trưởng Tư 86 4364/ĐNV  
40/20 của 25-Người Ng  
9-8-1970

Lập tại Xã C.T Phan-Thiết ngày 9 - 8 19 72

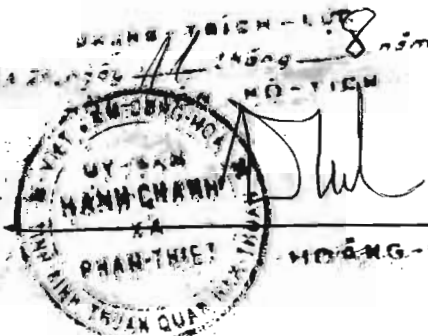
Người Khai

Hộ lại,

Nhân Chứng

Người chứng thứ nhất

PHẢI-VĂN-BÁ



Người chứng thứ nhì

HẢI-HOÀNG

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT 3

Xã, phường.....**LẠC ĐẠO**.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....**99**.....Huyện, Quận.....**PHAN THIẾT**.....Quyền số.....**02**.....Tỉnh, Thành phố.....**THUẬN HẢI**.....

# GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên.....**NGUYỄN HỮU TÀI**..... Nam hay nữ.....**NAM**.....Ngày, tháng, năm sinh.....**NGÀY HAI MƯƠI BỐN, THÁNG MƯỜI, NĂM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM BẢY**  
**LXM ( 24 - 10 - 1975 )**.....Nơi sinh.....**LẠC ĐẠO - PHAN THIẾT - THUẬN HẢI**.....Dân tộc.....**KINH**..... Quốc tịch.....**VIỆT NAM**.....

| Phân khai về cha, mẹ | Người mẹ                        | Người cha                       |
|----------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Họ và tên            | <b>TRƯƠNG THỊ NỮ</b>            | <b>NGUYỄN HỮU TÂN</b>           |
| Tuổi                 | <b>KINH 1947</b>                | <b>1948</b>                     |
| Dân tộc              | <b>KINH</b>                     | <b>KINH</b>                     |
| Quốc tịch            | <b>VIỆT NAM</b>                 | <b>VIỆT NAM</b>                 |
| Nghề nghiệp          | <b>BUỒN BẮN</b>                 | <b>LÀM ĐIỂN</b>                 |
| Nơi thường trú       | <b>TỔ DP 36, CỤM 5, LẠC ĐẠO</b> | <b>TỔ DP 36, CỤM 5, LẠC ĐẠO</b> |

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

**TRƯƠNG THỊ NỮ, 1947, TỔ DP 36, CỤM 5, LẠC ĐẠO - PHAN THIẾT****CMND SỐ 26004067**.....**PHAN THIẾT**.....**Tháng**.....**năm**.....Đăng ký ngày.....**2**..... tháng.....**10**..... năm 19.....**89**

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

**ỦY VIÊN THỦ KÝ****Lê Chi Bích Châu**

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....**24**..... tháng.....**10**..... năm.....**1989**.....**TỈNH THUẬN HẢI****PHAN THIẾT UBND**

ký tên, đóng dấu

**ỦY VIÊN THỦ KÝ****LỆ MÃ CHỨNG THỰC 50****Lê Chi Bích Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
Xã, phường.....**LẠC ĐẠO**.....  
Huyện, Quận.....**PHAN THIẾT**.....  
Tỉnh, Thành phố.....**THUẬN HẢI**.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Mẫu TP/HT 3  
Số.....**03**.....  
Quyền số.....**02**.....



## GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN THỊ YẾN THẢO Nam hay nữ NỮ  
Ngày, tháng, năm sinh NGÀY SÁU, THÁNG HAI, NĂM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM BẢY TÁM  
( 06 - 02 - 1978 )  
Nơi sinh LẠC ĐẠO - PHAN THIẾT - THUẬN HẢI  
Dân tộc KINH Quốc tịch VIỆT NAM

| Phần khai về cha, mẹ | Người mẹ                        | Người cha                       |
|----------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Họ và tên            | <u>TRƯƠNG THỊ NỮ</u>            | <u>NGUYỄN HỮU TÂN</u>           |
| Tuổi                 | <u>1947</u>                     | <u>1948</u>                     |
| Dân tộc              | <u>KINH</u>                     | <u>KINH</u>                     |
| Quốc tịch            | <u>VIỆT NAM</u>                 | <u>VIỆT NAM</u>                 |
| Nghề nghiệp          | <u>BUỒN BÁN</u>                 | <u>LÀM BIỂN</u>                 |
| Nơi thường trú       | <u>TỔ DP 36, CỤM 5, LẠC ĐẠO</u> | <u>TỔ DP 36, CỤM 5, LẠC ĐẠO</u> |

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

TRƯƠNG THỊ NỮ, 1947, TỔ DP 36, CỤM 5, LẠC ĐẠO PHAN THIẾT

CHỖ SỐ 260040634 LẠC ĐẠO năm 1978

Đăng ký ngày 04 tháng 08 năm 19 79

Người đứng khai

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

ỦY VIÊN THƯ KÝ

*Trần Hòa Nhỏ*



CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 01 tháng 01 năm 1979



*Trần Hòa Nhỏ*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~07-001.000.000.000~~ 0634

Họ tên: TRƯƠNG THỊ NỮ

Sinh ngày: 08-03-1947

Nguyên quán: Đức Nghĩa,  
Phan Thiết, Thuận Hải.

Nơi thường trú: T-khu 20 Lạc-  
Đạo, P-Thiết, Thuận Hải.

Số: ~~07-001.000.000.000~~ 0634

NHÂN THỰC

SADY BAN CHANH

PHINH-THANH-NGOY & ERONG & NON 1989

THI UY-DAN NHAN-DAN PHUONG 12

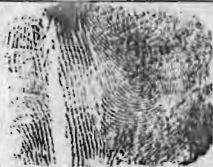
TRANG TICH



LÊ THỊ THANH LOAN

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi cách 3,5cm  
dưới sau mép phải.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 20 tháng 03 năm 1978

KI/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TY

  
*Nguyễn Kim Chanh*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 260610332



Họ tên  
NGUYỄN THỊ YẾN TRANG

Sinh ngày 3-5-1970

Nguyên quán Phú Hải,

Phan thiết, Thuận hải.

Nơi thường trú DP 36 Lạc đạo,  
Phan thiết, Thuận hải.

Sơ y 6/8



1989

Signature

LÊ THỊ THANH BÔNG

Dân tộc: Kinh ..... Tôn giáo: Phật giáo .....

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI



Nốt ruồi cách 0,5cm  
dưới sau mép trái...

Ngày 28 tháng 6 năm 1987

+/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGÓN TRỎ PHẢI



*[Signature]*  
Nguyễn Kim Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~0000000000~~ 0000000000

Họ tên TRƯƠNG THỊ NỞ

Sinh ngày 08-03-1947

Nguyên quán Đức Nghĩa,  
Phan Thiết, Thuận Hải.

Nơi thường trú P-Khu 20 Lạc-  
Đạo, P-Phiet, Thuận Hải.

Số: ~~0000000000~~ 0000000000

NIÊN THỰC

SAD Y DÂN CHẤN

HÌNH - THANH NGUYỄN B. không 8. năm 1989

THỊ ỦY ĐƠN NHÂN DÂN PHƯỜNG 17

Đ. C. PH. T. CH



LÊ THỊ THANH LƯAN

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi cách 3,5cm  
dưới sau mép phải.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 20 tháng 03 năm 1978

KI/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TY

  
*Nguyễn Kim Chanh*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 250610332



Họ tên

NGUYỄN THỊ YẾN TRANG

Sinh ngày 3-5-1970

Nguyên quán Phú Hải,  
Phan thiết, Thuận hải.

Nơi thường trú DP 36 Lạc đạo,  
Phan thiết, Thuận hải.

Sauy 01/8

So chứng 1989

BÌNH THẠNH - NƠI CHỨNG  
TƯỞNG BÁC NHÂN DÂN PHƯƠNG 17  
CHỦ TỊCH



*[Handwritten signature]*

CHỦ TỊCH

Dân tộc: Kinh ..... Tôn giáo: Phật giáo .....

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

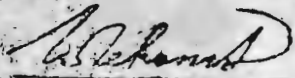
NGÓN TRỎ TRÁI

Nốt ruồi cách 0,5cm  
dưới sau mép trái...

Ngày 28 tháng 6 năm 1987

NGÓN TRỎ PHẢI

\*/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

  
Nguyễn Kim Thành

SỞ CÔNG AN THUẬN HẢI

PHIẾU THU TIỀN

Số 655

Tên người giao Nguyễn Hải Quân

Nơi:

Địa chỉ Lạc Đa Tân

Có:

Lý do nữ hộ 83 X/Am's

Số tiền:

Số tiền bằng chữ Ba triệu hai ngàn

22.000

Chứng từ kèm theo

Ngày 10 tháng 09 năm 90

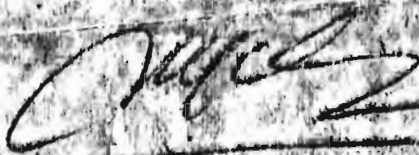
Người giao

Thủ quỹ

Kế toán

Thủ trưởng

Chữ



Công An Tỉnh Thuận Hải  
Số : 210/PA18

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

### BIÊN NHẬN HỒ SƠ XUẤT CẢNH

Chúng tôi có nhận hồ sơ của ông, bà : Nguyễn Hữu Bản

Sinh năm : 1942

Nơi chỉ thường trú : Cam 05 Lạc Đạo Phan Thiết

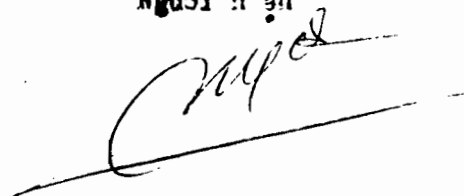
Xin đến nước : cty ( ODP )

Cùng đi có : 04 người

Ông, bà về yên tâm làm ăn chúng tôi sẽ thông báo kết quả bằng  
thư cho ông, bà biết ./.

Thuận Hải ngày 20 tháng 7 năm 80

Người nhận



FROM: NGUYỄN. HỮU. TÂN  
Số: 57B NGU. ÔNG  
PHAN. THIẾT, THUÂN. HAI  
VIỆT - NAM

NOV 27 1991



TO: Bà: KHÚC. MINH. THƠ  
P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205  
0635. TELEPHONE:  
U.S.A

FROM. Trường-thi-Nô<sup>S</sup>  
Số'. 57<sup>B</sup> Ngủ' ông Phan-Thiết<sup>S</sup>  
Tuân-Hải.

MAY BAY  
PAR AVION

R <sup>0</sup> 7-1-9



NOV 1 5 1989

TO. KHUẾ-MINH-THO  
P.O BOX 5435, ARLINGTON,  
VA 22205-0635. U.S.A

137 gr = 422 wgt

C O N T R O L

\_\_\_\_ Card  
x Doc. Request; Form 9/19/89  
\_\_\_\_ Release Order  
\_\_\_\_ Computer  
\_\_\_\_ Form "D"  
\_\_\_\_ ODP/Date \_\_\_\_\_  
\_\_\_\_ Membership; Letter